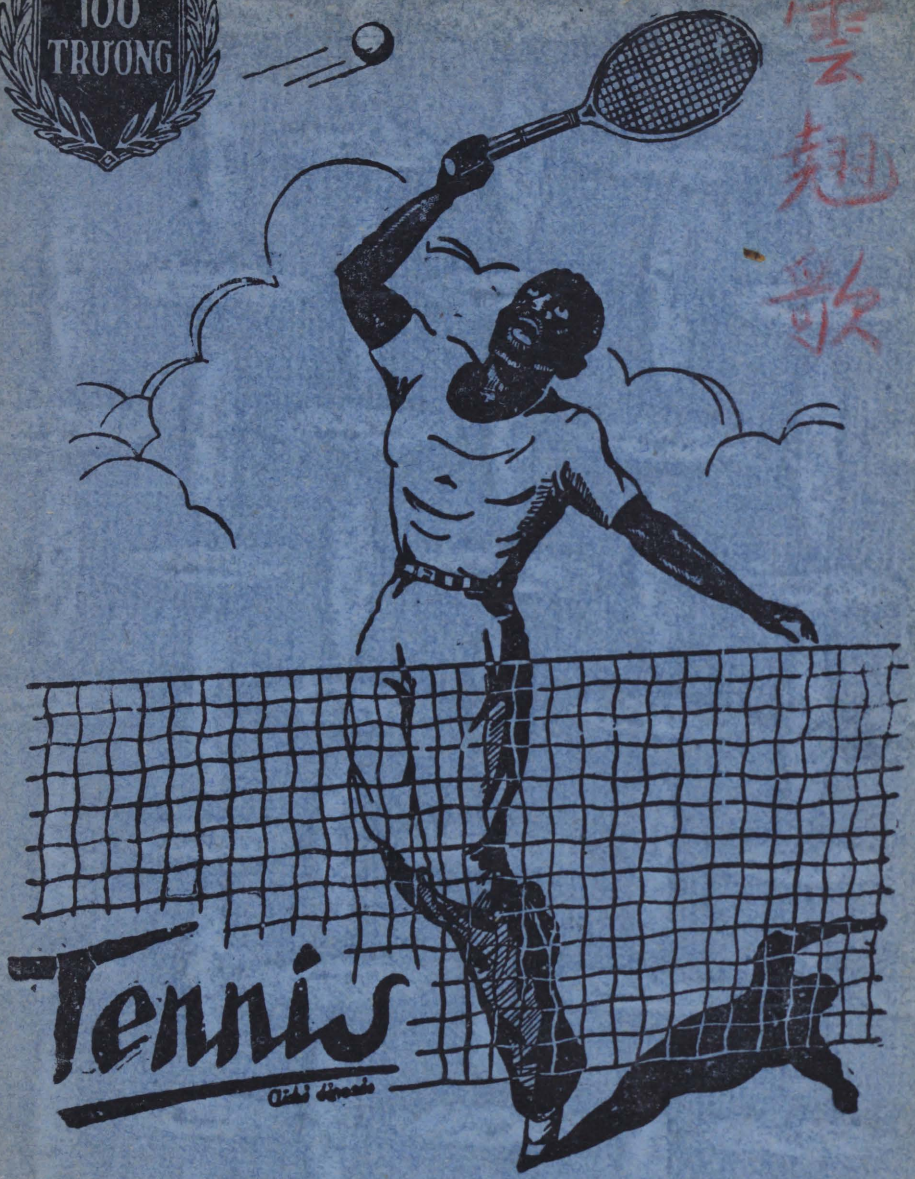
N29

100 TRUONG

金雲翅歌

海陽風物曲



Quán Ven Đường mượn từ thư viện Đại Học Yale

f° 87, a, col 1.

海陽風物曲.

Hải-dương phong vật khúc.

A. 882.

運泰象蝀霾沒會.
Vận thái tượng nông mây một hội.
圖坤輿坡塿翳荏.
Đồ khôn dư bờ coi mờ mang.
城東棉鎮海陽.
Thành đông mặt trấn Hải-dương.
彙紅劘燧剞劂威垔.
Vàng hồng sớn lò tác gang uy giời.
迸氛縣滝洌繸錦.
Mười tám huyện sông, ngoi giệt gấm,
城六稜高湿鐀磋.
Thành lục lăng cao thấp vang xây.
遠山沒繙揨排
Viễn sơn một giải sắp bầy
長江巳棉縈圍帶銀.
Trang giang ba mặt oanh vầy giải ngân.
戈長津滌迎剏太
Qua Trang-tân tuôn sang cửa Thái,
諾朝宗萬派順洞.
Nước triều tông vạn phái thuận dòng.

白藤天塹溟濛.
Bạch-đằng thiên tạm mênh mông.
祇陳名將威風群傳.
Họ Trần danh tướng uy phong còn truyền.
千潮汜余蕃水戰.
Cỏn chiều dấy mấy phen thủy chiến.
頭植橋群鎮江皐.
Giáu thực thông còn trấn giang-cao.
f° 87 B col 1. 15- 波東滂潮鯨濤.
Bể đông phẳng lặng kình đào.
船漁湜倘墨色滿澗.
Thuyền ngư thấp thoáng ra vào biển khơi.
坦前鎮窮尼名勝.
Dấu cựu trấn cùng nơi danh thắng.
壖場文貫孚泮宮.
Nền trường văn mới giường phán cung.
奎文嶙屹天中
Khuê văn chon vót thiên trung.
20- 鉄印諾碧霏籠靄撐.
Về in nước biếc bóng lồng mây xanh.
跋眺泣南荊每府.
Trải xem khắp Nam, Kinh mọi phủ.
座崑山景趣兜齋.
Toà Côn-sơn cảnh thú đâu tày.

玉 橋 清 洞 愜 台.
Ngọc - kiều, thanh - động vui thay.
人 間 絶 勝 禍 醝 悉 得.
Nhân gian tuyệt thắng rẽ say lòng người.
25 - 官 氷 壺 清 台 觴 詠.
Quan Băng - hồ thanh thời tưởng vịnh.
柴 抑 齋 董 鼎 藏 珍.
Thầy Ức - Trai đủng đỉnh tàng trân.
山 中 吟 詠 余 韻.
Sơn trung ngâm vịnh mấy vần.
緘 名 鎖 利 俗 塵 撿 空.
Giám danh tỏa lợi tục trần giữ không.
德 聖 宗 車 蠭 經 理.
Đức - Thánh - Tôn xe loan kinh lý,
30 - 准 淨 堂 景 致 戈 恰.
Chốn tĩnh đường cảnh thú qua ưa.
f° 88. col 1. 江 山 興 動 悉 詩.
Giang sơn hứng động lòng thơ.
宸 章 封 付 僧 徒 如 印
Thần chương phong phó tăng đồ như in,
翅 鳳 凰 脉 連 鳳 眼
Cánh phượng - hoàng mạch liền Phượng - nhỡn,
諾 共 輪 包 泮 埠 硯.
Nước cùng bao cạn tiả nghiên.

昔於群嗜底傳
Xưa nay còn tiếng để truyền.
固宮紫極固墺流光
Có cung Tử-cực, có tên Lưu-quang.
傘擎天斬行松栢
Tán kình thiên ngàn hàng tùng, bách.
景清幽眷客耆儒
Cảnh thanh u quyến khách kỳ nho.
庵靄蜘頭柴朱
Am mây nối giáu thầy Chu.
停停碑鑿斬秋包痢
Dành dành bia lạc nghìn thu bao mòn.
城古拋曾番棟博
Thành Cổ-pha tiếng phen đòng bác.
戴太平垂擱弓刀
Đời thái bình đã gác đao cung.
賒迢永永嗜鐘
Xa đưa vẳng vẳng tiếng chuông.
箕厨普賴蟄重边江
Kìa chùa Phổ-lại chập chùng bên giang
戈敬主憲弦愧主
Qua Kính-chủ lòng càng nén chủ.
語曉靄天府貼財
Ngửa trông mây thiên phủ xem gần.

f°88ᴮ. col 1.

串 珠 重 疊 余 吝
Quán-châu trùng điệp mấy lần.
冲 天 糊 鬮 青 雲 層 層
Xung thiên sáng mở thanh vân tầng tầng.
嶺 安 子 彩 升 涸 讌
Đỉnh Yên-tử phi thăng giải cũ.
50- 厨 花 煙 景 趣 嫩 靄
Chuà Hoa-yên cảnh thú non mây.
柴 玄 修 道 閉 迹
Chầy Huyền tu đạo bấy chầy.
油 荵 宮 桂 坤 抹 悬 禪
Dù tay cung quế khôn lay lòng thuyền.
孤 伏 象 瞳 蓮 拱 向
Con phục-tượng trông lên cửng hướng.
帽 同 巾 忙 像 蹲 朝
Mũ đồng-cân mang tượng đứng chầu.
55- 撑 撑 余 嶺 岩 崇
Xanh xanh mấy đỉnh cheo leo.
喊 卸 龍 翔 鳳 泩 猫 嫩 猱
Hàm-long, cánh-phượng, kênh-mèo, non-heo.
停 瓊 林 啃 廚 古 跡
Bụt Quỳnh-lâm tiếng chuà cổ tích.
趣 豁 輪 溇 瀝 愠 遡
Thú hang-sơn suối, lạch nước chơi.

悬 滝 印 霽 洞 豁
Long sông in bóng động. Giốc,
60- 舡 廚 膀 崗 幫 垄 頭 嫩
Hang chuā, suòn núi, chợ giời, đầu non,
坦 水 棠 嫩 嫩 渃 渃
Dải Thuỷ. đường non non nước nước,
嫪 嫩 蓬 渃 弱 賒 兜
Dáng non bồng, nước nhược xa đâu.
f° 89ª; col 1. 舡 輪 砆 碧 澴 淒.
Hang. sơn đá biếc đành sâu.
猞 唋 靈 洞 蟌 朝 青 山.
Khiêm e linh. động, rồng chầu thanh. sơn.
65- 崗 雙 童 闌 千 沒 繖
Núi Song. đồng lan can một giải,
渃 水 潮 滄 海 溟 濛
Nước thuỷ chiều thường hải mông mênh.
儡 垄 窖 連 磋 縈
Chợ giời khéo đặt xây quanh,
畢 皮 山 水 如 幀 畫 圖
Bốn bề sơn thuỷ như tranh hoạ đồ,
塊 安 老 沒 壺 勝 景
Coi. An. lão một hồ thắng cảnh.
70- 軸 塊 仩 沒 脉 象 山.
Trong coi liền một mạch Tượng. Sơn.

重 重 鞏 馭 繖 旛
Trùng trùng Yên-ngựa, giải phan.
边 霧 鷺 杜 頭 岸 斗 矜.
Bên mây cò đỗ đầu ngàn đấu dong.
嶺 桃 山 臺 烽 塊 燃
Lãnh Đào-sơn đài phong khói tắt.
滝 北 南 永 鶖 沁 鯨
Sông bắc, nam vắng bặt tăm kình.
75- 跺 羅 弹 啃 矜 生
Loạ lai đàn tiếng chông chênh.
鼻 嬴 魄 滔 連 梗 歌 鴣
Dưới sông phách suối trên ngành ca chim.
轏 海 門 邋 滝 淸 潮
Cửa hải môn gió êm sóng lặng.
崗 塗 山 鎮 凭 宜 陽
Núi Đô-sơn trấn vững Nghi-dương.
f°89. B col 1. 賒 賒 斬 陝 梯 航
Xa xa nghìn dặm thê hàng.
80- 鼈 澄 弔 泙 裝 鐇 搭 磋
Ông chứng nào phải trang hoàng đắp xây.
貢 河 津 隨 宜 鷂 愜
Công hà tân tuỳ nghi mở nắp.
徙 田 家 泙 堞 穢 掩
Việc điền gia phải đắp cấy giồng.

新 堤 余 曲 翰 滝
Tân đê mấy khúc hàn sông,
恠 如 数 埃 拯 忯 功 平 成
Nhớ lâu ai chẳng nhớ công bình thành.
85- 坦 安 生 貴 台 名 勝
Đất an - sinh quí thay danh thắng.
挈 陳 家 酸 孚 壌 王
Xưa Trần gia gây giống nên vương.
母 儀 奭 啃 塔 瑽
Mẫu nghi sáng tiếng cửu hoàng.
瓊 花 宮 廟 炤 香 群 傳
Quỳnh - hoa cung miếu lưu hương còn truyền.
怒 廊 鄙 虎 纆 月 渚
Nọ làng cũng hổ triền nguyệt chử.
90- 德 太 尊 嗣 預 坤 宮
Đức Thái - tôn sớm dự khôn cung,
台 番 繹 玉 妥 蟲
Hai phen dâm ngọc nở nùng.
戢 點 黿 宝 從 容 治 世
Trước sau ngôi báu thong dong trị đời.
構 坦 覩 覩 才 英 俊
Cấu đất thiêng nhiều tài anh tuấn,
盎 科 場 筆 陣 捉 搓
Áng khoa trường bút trận vẫy vùng.

f°90, a, col 1.

源 桃 撇 涕 化 龍
Dào nguyên xuất sóng hoá long.
塘 遽 鴞 蹟 陛 蜨 攔 洒
Đường mây nối gót bệ rồng lan tay.
杜世延 坦 遼 川 磬 柴 祇 杜
Đất Liêu-xuyên xưa thấy họ Đỗ.
榜 斟 元 當 暴 李 朝
Bảng khôi nguyên đứng thuở Lý triều.
開 科 轂 孚 名 標
Khai khoa trước giống danh tiêu.
100. 棱 儒 悅 德 焄 高 敬 鯀
Rừng nho mến đức huân cao kính thơ.
范公著 才 經 濟 余 如 祇 范
Tài kinh tế mấy như họ Phạm,
旵 閉 駁 倘 跌 翹 鵬
Chín muôn giông thẳng dặm cánh bằng,
台 朝 扔 托 股 肱
Hai triều nay thác cõi quăng.
權 高 六 部 名 唆 三 尊
Quyền cao lục bộ danh lừng tam tôn.
105. 祇 遼 舍 一 門 顯 達
Họ Liêu-xá nhất môn hiển đạt.
嚗 書 香 欵 紹 登 瀛
Nức thư hương sau hiệp đăng danh.

葫 蘆 坦 亭 烹 烹.
Hồ lô tál cảo danh danh,

鐫 灵 垒 罕 免 慍 吉 人.
Quốc thiêng giới hản tạ giành cát nhân.

阮全安 歎 時 舉 軸 塵 埃 燦.
Người Thới - cử trong trần ai tỏ,

110 - 沒 詩 腠 買 露 英 才.
Một thơ giăng mấy lộ anh tài.

fº 90, B, col 1. 恩 連 烟 册 書 齋
Ơn trên đem sách thư trai.

蟾 宮 披 桂 安 排 登 魁.
Chêm cung bẻ quế an bài đăng khôi.

武有 坦 慕 澤 虎 堆 竜 片.
Đất Mộ - trạch hổ đôi long phiến,

進 士 巢 貴 顯 名 鏡.
Tiến - sĩ sao quí hiển danh biểu,

115 - 車 車 馭 馭 蹈 蹈.
Xe xe ngựa ngựa rập dìu.

同 科 咦 熏 同 朝 排 鞋.
Đồng khoa dậy sấm đồng triều bay sao,

箕 内 外 諸 曹 履 歷
Kìa nội ngoại chư tào lý lịch,

嗜 功 能 声 績 捽 滿
Cũng công năng thanh tích chuốt vơi.

筭 章 沒 剭 極 差
Toán chương một tắc không sai,

120- 奄 文 宋 璟 吏 才 張 華
Dã văn Tống-Cảnh lại tài Trương-Hoa,

風 景 如 諾 嶽 巾 伴
Phong cảnh nhã nước non làm bạn,

樣 裴 公 臺 館 從 容
Dáng Bùi-công đài quan thong dong.

蹾 壇 茉 桂 梗 相
Chen sân chơi quế cành đông

襜 文 帶 武 跋 洞 兩 班
Xiêm văn đai võ nối dòng lưỡng ban.

武瓊 125- 怒 人 間 天 仙 骨 相
Nọ nhân gian thiên tiên cốt tướng.

胣 石 渠 麾 量 海 河
Giạ thạch cừ mà lường hải hà.

f°91ª col 1. 宗 師 啃 哦 貯 賒
Tôn sư tiếng giậy gần xa,

沒 鋪 越 鑑 森 如 巾 剭
Một pho việt-giám trăm nhà làm gương.

黎鳳 十 八 鉢 餡 常 拱 遝
Thập bát bát beiã thường cũng lạ.

130- 四 狀 元 名 價 貳 台
Tứ trạng-nguyên danh giá gồm hai,

黎光貴.

詩書蔭澤傳裁.
Thi, thư ấm trạch truyền tới.
嘿名虎榜固才鳳毛.
Nức danh hổ bảng có tài phượng mao.
逈閉戞旗旄掾雪.
Ngoài muôn dặm cờ mao chống tuyết.
迸妙秋援節矧鐫.
Mười tám thu vẹn tiết đá vàng.
135- 蘇川名壻蘇郎.
Tô - xuyên danh tế Tô - lang.
記功碑矧炤煉新秋
Ghi công bia đá rỡ dáng nghìn thu.
武公道 鼇三都軸朝風憲.
Ngôi tam đô trong triều phong hiến.
干雷霆吊轉悬綸.
Cỏn lôi đình nào chuyển lòng son.
叩頭特戮龍顏.
Khấu đầu giải trước long nhan.
140- 名眞御史嘯闌京城.
Danh chân ngự - sử tiếng ran kinh thành.
武惟斷 才兩元劇名當世.
Tài lưỡng nguyên sớm danh đương thế.
暱龍潛陪侍固功.
Chưa long tiềm bồi thị có công.

fo 91. B. col 1.

爛 丹 金 鑑 獻 忠
Sân dan kim giám hiến trung.
顒 瞳 克 肇 約 懞 皐 夔
Ngóng thông Nghiêu, Thuấn ước mong Cao, Quí.
節 慷 慨 守 皮 忠 直
Tiết khẳng khái giữ bề trung trực.
運 盈 虛 付 默 机 玄
Vận danh hư phó mặc cơ huyền.
軒 梅 短 什 長 篇
Hiên mai đoản thập trang thiên.
清 高 格 調 群 傳 遺 香
Thanh cao cách điệu còn truyền di hương.
武聚
坦 蓐 澤 收 藏 秀 氣
Dật Hoạch-trạch thu tàng tú khí.
俥 英 雄 標 致 弦 高
Dặng anh hùng tiêu trí càng cao.
這 沖 拯 拙 伴 弟
Giá trong chẳng chút bợn nào?
嗊 啞 唁 吭 絡 搾 詭 怪
Dâu nhời ngon ngọt lựa trao xá màng.
蹈 長 襖 守 放 廉 節
Giầu trang áo chữ ban liêm tiết.
嫩 洞 清 愭 鄙 貪 污
Có dòng thanh thẹn hết tham ô.

陳璋 155- 風 稜 岑 岑 雪 霜
Phong lăng ngân ngâl tuyêl sương.
權 豪 幽 納 霏 棍 徒 嘲 吣.
Quyền hào nép bóng côn đồ bậl tăm.

汝廷瓚 茹 祇 汝 冠 簪 繼 世.
Nhà họ Như quan trâm kế thế.
周 喈 咍 政 事 嗹 揚.
Có tiếng hay chính sự giậy giàng.

f° 92ª, col 1. 訟 情 曛 創 朋 麻
Tụng tình soi sáng bằng gương.
160- 魂 冤 鄣 塔 滔 鐫 拱 恩.
Hồn oan dưới lấp suối vâng cũng ơn.
痂 調 元 周 官 國 老.
Tay điều nguyên có quan quốc lão.
撸 帶 巾 儀 表 庙 廊.
Dư đai cân nghi biểu miếu lang.
茫 茫 眞 嗯 書 香
Đời đời sức mức thư hương.
還 金 暴 爵 家 慶 胖 愜.
Hoàn kim thuở trước gia khương còn giành.

范子虛 165- 柴 義 閬 周 名 詞 藻
Thầy Nghĩa lưu có danh từ tảo.
剗 壈 程 院 道 師 生.
Cửa sân trình vẹn đạo sư sinh.

巴 南 墓 側 至 情
Ba nam mộ trắc chí tình.
天 門 爺 定 題 名 榜 螣
Thiên môn đã định đề danh bảng rồng.
賴金榜 融 濕 羅 決 憲 砂 鈺
Trong danh La quyết lòng đá sắt,
阮泰拔 170- 爵 楣 爛 吐 楣 奸 夫
Tước mặt soi nhổ mặt gian phu,
金 闕 平 朗 台二 祠
Kim-quan, Bình-lãng hai từ.
恪 之 台二 廟 睟 碧 忠 誠
Khác gì hai miếu thờ của trung thành.
張亨 柴 孟 津 才 名 宏 碩
Thầy Mệnh-tân tài danh hoành thạc.
塘 魁 元 鵬 戮 長 津
Đường khôi nguyên nở trước Trạng-tân.
175- 祇 梁 董 鼎 帶 巾
Họ Lương đứng đỉnh đai cân.
f°92B, col 1. 台二 番 使 驛 鳳 麋 羣 出
梁如鵠 Hai phen sứ dịch phượng, lân ra tài.
阮復 柴 段 松 哪 差 軍 次
Thầy Đoàn-tùng vâng sai quân thứ.
一 風 波 干 阻 船 粮
Thứ phong ba can trở thuyền lương.

磊 期 甘 塑 法 常
Lỗi kỳ cam chịu phép thường.

180- 敕 封 灵 廟 焰 香 唯 傳
Sắc phong linh miếu hiả hương rồi truyền.

榜 轉 殿 庭 元 亀 燦
Bảng cửả đền đình nguyên đã rỏ.

范鎮 才 爭 魁 范 杜 拱 奇
杜 汪 Tài tranh khôi Phạm, Đỗ cũng kỳ.

局 恤 嘰 酳 堆 詩
Cuộc vui chén rượu đôi thơ.

牀 惹 伊 尹 伯 夷 婷 婷
Tấm lòng Y-Doãn, Bá-Di đành đành.

185- 坦 香 橘 贊 名 科 舉
Đất Hương-quất thỏm danh khoa cử.

朱淥威 柴 祇 朱 轄 預 三 魁
Chầy họ Cu trước dẹ tam khôi.

阮善 箕 茹 昆 玉 調 才
Hia nhà con ngọc điểu tài.

巴 科 連 堞 余 埃 嗿 朋
Ba khoa liền dịp may ai ví bằng.

姜世賢 柴 祇 姜 坦 平 啫 禀
Chầy họ Khương đất bằng tiếng sấm.

190- 才 双 元 鉄 錦 絩 花
Tài song nguyên vẽ gấm thêu hoa.

f°93, a, col 1.

武 瑊

怒 時 玉 勒 名 家
No thì Ngọc - lạc danh gia,
凭 扜 鎮 圉 頫 如 儒 風
Vững then trấn khởi giải nhà như phong.

陶公正

會 庵 固 神 童 頴 悟
Hội - am có thần đồng dĩnh ngộ.
穢 迸 叁 毛 杜 秋 圃
Tuổi mười ba đã đỗ thu vi,

195 -

榜 春 嶘 預 龍 墀
Bảng xuân sớm dự long trì.
羣 迎 使 節 包 時 講 筵
Ra ngoài sứ tiết vào thì giảng duyên.

阮秉謙

坦 中 庵 渚 硯 水 瑩
Dật Trung - am mười nghiên thuỷ oánh.
柴 狀 磬 矩 聖 規 賢
Chầy trạng xưa cử thánh qui hiền.
卷 經 太 乙 眞 傳
Quyển kinh thái - ất chân truyền.

200 -

陰 陽 造 化 鑵 玄 貫 通
Âm dương tạo - hoá nhẽ huyền quán thông.
賦 中 津 寓 憃 世 教
Phú trung - tân ngụ lòng thế giáo
詩 雲 庵 遺 藁 底 傳
Thơ Vân - am di cảo để truyền.

安 閒 意 地 中 仙.
An nhàn ấy địa trung tiên.
彈 橋 酣 菊 林 泉 愜 遨
Dàn thông, rượu cúc lâm tuyền vui chơi.
205 - 帶 橫 山 沒 喔 囓 渚.
Giải hoành sơn một nhỏi giúp nước,
透 机 至 燦 戮 余 埃.
Thấu cơ giời tỏ mấy ai,
fº 93, col 1. 識 文 默 仉 訛 差.
Sấm vẫn mặc kẻ ngoa sai,
啃 鞿 上 國 實 才 至 人.
Tiếng bay thượng quốc thực tài chí nhân.
陳 固 坦 范 壘 祇 陳 才 奇.
Dật Phạm-Triên họ Trần tài cả,
210 - 京 狀 元 聲 價 哦 揚.
Kinh Trạng-nguyên thanh giá giậy giàng.
裴伯耆 祇 裴 扶 內 儳 鄙.
Họ Bùi Phù-nội ngôi sang.
鰷 壽 礦 梗 綱 常 連 酥
Chờ vua nặng gánh cương thường trên vai,
樓 白 鶴 怜 類 赤 嘴.
Lâu Bạch-hạc cầm loài xích chuỷ,
塿 至 南 之 底 隊 終
Coi giời nam chi để đội chung.

215 - 假兵篡斫勦攻.
Giả binh toan chước tiễu công.
翹帆北海胞恚南天.
Cánh buồn bắc hải tấm lòng nam thiên.
勅奨忠鸇箋炤又.
Sắc tưởng trung loan tiễn rõ rỡ.
唯斬秋廟宇煨香.
Rồi nghìn thu miếu vũ khói hương.
張学說 金兜鄂效肝鑌.
Kim - dâu sang sổ gan vàng.
220 - 揔嗆禪詔風霜沒恚.
Chúng nhời thiện chiếu phong sương một lòng.
鄭無競 箕黃次茹洞朱紫.
Kìa Hoàng - thứ nhà dòng chu tử.
座尚書父子同朝.
Toà thượng thư phụ tử đồng triều.
f° 94ª col 1. 邊拎鞀勁弔漂.
Gió giông cỏ cứng não xiêu.
鏤鐘台掛節高弦紆.
Vạc chuông thay đổi tiết cao càng bền.
陳文燁 225 - 柴慈烏洞傳詩礼.
Thầy Tư - ô dòng truyền thi lễ.
塌湯霆絲世科名.
Bậc thang mây kể thì khoa danh.

講堂斕斒周程.
Giảng đường mở của Chu, Trình,
及門薈薆預朝廷冠紳.
Cập môn nhiều dự triều đình quan thân.

阮詮 沒詞文淹瀘永鰐.
Một tơ văn sông Lư vắng ngạc,
230- 噠祇韓奄當啫吣.
Đạt họ Hàn đã đáng tiếng tăm.
卷詩集賦國音
Quyển thơ tập phú quốc âm.
律韓圈套嶺南啫傳.
Luật Hàn khuôn sáo Lĩnh-nam tiếng truyền.

陳國扐 柴汪下狀元兩國
Chầy Uông-hạ trạng-nguyên lưỡng quốc,
垒北南戧戧斗台.
Giới bắc, nam vắng vặc đẩu thai.

阮德貞 235- 廊安名價才魁
Lang Yên danh giá tài khôi.
噴珠唋錦躨鞜彤庭.
Phun châu nhả gấm chen vai đan đình.
学哏天下知名
Chữ rằng thiên hạ tri danh.
宸奎烃烃瑽玲鼮旗.
Thần khuê choi chói lung linh vẻ cờ.

f°94.B col 1.

陳崇穎

坦 漫 汭 清 奇 風 水.
Dất Man-nhuế thanh kỳ phong thủy.
240 - 稟 名 魁 灵 士 群 鑣.
Cảo danh khôi đa sĩ quần biểu.

武暘

沒 廊 台 狀 同 朝.
Một lang hai trạng đồng triều.
贊 唆 桂 攡 價 高 玉 鐸.
Chỏm lưỡng quế thắm giá cao ngọc lảnh.

黎熊

賦 桃 源 啃 名 樂 實.
Phú đào nguyên khẩu danh Lạc-thực.
245 - 韌 巴 新 第 一 文 章.
Cưng ba ngàn đệ nhất văn chương.
鼾 姓 辯 律 蓁 楊.
Mũi tên bắn lọt lá dương.
同 科 同 縣 掙 行 魁 元.
Đồng khoa đồng huyện sát hàng khôi nguyên.
會 姅 新 沛 緣 遭 遇
Hội nửa ngàn phải duyên tao ngộ.
慡 沒 團 錦 繡 都 駈
Vui một đoàn cẩm tú đua giong.

吳煥

騷 垓 嫩 鎍 辟 東.
Tao đàn tỏ vẻ sao đông.
250 - 賡 酬 曲 玉 窪 拎 啃 鐄
Canh thù khúc ngọc sênh giong tiếng vang.

欺 鸚 旅 悉 強 仗 義.
Khi cơ lữ lòng càng trượng nghĩa,
墜 斬 賒 希 弔 砦 風 霜.
Dậm nghìn xa nào ngại phong sương.

冠 裳 院 道 綱 常.
Quan thường vẹn đạo cương thường.
箕 祠 上 答 榜 鐫 史 撐.
Kìa từ Thượng-đáp bảng vàng sử xanh.

丁 鑒 -255- 怒 阮 丁 職 被 迸 參.
f. 95a col 1. Nọ họ Đinh tuổi vừa mười tám.
榜 三 魁 免 探 花 郎
Bảng tam khôi đã thám-hoa-lang.

阮 陳 萬 載 流 芳.
Họ Trần Vạn-tải lưu phương.

陳 混 沒 念 節 義 道 常 春 秋.
Một niềm tiết nghĩa đạo thường xuân thu.

范 伯 璉 阮 里 仁 科 途 翩 烘
Họ Lý. nhân khoa đỗ sáng rỡ.
260 - 味 香 籠 剿 駟 車 軒.
Mùi hương lồng của tứ xe hiên.

鉞 旄 當 麵 青 藩.
Việt mao đáng mặt thanh phiên.
從 容 樽 俎 凭 紆 渚 嫩.
Thong dong tôn trở vững bền nước non.

莫挺之　柴 隴 洞 可? 番? 作 轋
Thấy Lưng-động khả phiên tác trước.
墜 瀛 洲 嶼 跳 撐 扛.
Cõi doanh châu sóm bước xênh xang.

265 - 迺 戚 元 帥 文 章
Dã nên nguyên soái văn chương.
吧 彔 渚 沚 胞 彔 錦 緋
Chẳng dường nước chảy gia dường gấm thêu.
文 扇 銘 名 鑣 燕 北
Văn phiến minh danh biêu yên bắc.
啃 吨 賒 南 國 有 人.
Tiếng đồn xa. Nam quốc hữu nhân.
桑 滄 変 改 余 吝.
Tang thương biến cải mấy lần.
270 - 香 坛 坦 鯰 脉 文 群 踐.
Hương đàn đất cũ mạch văn còn dai.
f°95°. col 1. 箕 碓 溪 余 埃 才 狀
范惟鞦 Kìa Cõi-khê mấy ai tài trạng.
柴 青 淮 拱 讓 魁 元
Thấy Thanh hoài cũng nhường khôi nguyên.
崇 祠 宜 炕 香 煙
Sùng từ nghi ngút hương yên.
總 中 岑 社 流 傳 到 危
Tổng trung chín xã lưu truyền đến nay.

阮光欽 275 - 坦 傑 特 蹟 靈 嗟 歎
Đất Kiệt đặc việt mấy kẻ sau.
塌 晚 成 志 趣 尒 嚮
Bậc văn thành chí thú mấy ghê.
瞟 瞳 帕 馭 趁 蹅
Liếc trông dư ngựa đi về.
攝 棋 次 志 斟 芸 筆 硯
Xếp cây quyết chí chăm nghề bút nghiên.
會 奪 錦 題 銘 碑 磏
Hội đoạt cẩm đề tên bia đá.
280 - 崗 懸 燈 紆 胠 肝 鐫
Núi Huyền đăng bên già gan vàng.
塋 茹 迺 翔 天 荒
Coi nhà đã mở thiên hoang.
兒 孫 緜 蜀 跧 塘 登 龍
Nhi tôn nối gót theo đường đăng long.
同 流 才 神 童 天 資 顙 秀
Tài thần đồng thiên tư đĩnh tú.
旬 七 矜 迺 露 才 華
Tuần thất linh đã lộ tài hoa.
285 - 迸 罰 劇 杜 鄉 科
Mười tư sớm đỗ hương khoa.
敬 讓 沛 吶 洞 茹 詩 書
Kính nhường phải lẽ đông nhà thi thư.

fo 96.a col 1.

干 邊 順 鴻 被 鞘 翹.
Cỏn gió thuận hồng vừa thẳng cánh.
睏 辟 殘 蜞 吏 擯 珠.
Thuở sao tàn rồng lại ôm châu.

縣細 躊 弭 踏 駙 駒.
Tối lui nhẹ ruổi vó câu.

290 - 馭 車 拯 拽 沒 黜 藏 春.
Ngựa xa chẳng dỏi một bầu tang xuân.

怒 詞 賦 場 文 沒 價.
Nọ lo phú trường văn nỏi giá.
禬 宸 宮 劇 奄 占 包.
Gối thần cung sớm đã chiêm bao.

榜 在 前 後 燦 辟.
Bảng giời tiền hậu tỏ sao.
巴 豁 奄 預 嗏 帝 固 差.
Ba tên đã dự nhời nào có sai.

295 - 双 鳳 子 拱 才 科 甲.
Song phượng tử cũng tài khoa giáp.
踊 帶 襠 連 壘 登 仙.
Giấu đai xiêm liền dịp đăng tiên.
坦 廊 廛 固 才 榜 狀
Dải lang Chiêm có tài bảng trạng.
汚 至 灵 推 奬 沒 名.
Miền Chí linh suy tưởng nỏi danh.

宰 牛 揀 卷 登 程.
Tể ngưu dóng quyển đăng trình,

300 - 咤 鞠 窈 字 老 生 塞 喙.
Xá nào thiết tự lão sinh khéo nài,

淮 書 齋 已 辭 經 史.
Chốn thư trai ba năm kinh sử,

連 塔 鴈 罕 預 題 銘.
Trên tháp nhạn hản dự đề tên.

fo 96 a. col 1. 同 胞 志 學 強 紜.
Đồng bào chí học cang bền.

聽 唼 激 勸 册 烟 稱 功.
Nghe nhời khích khuyên sách đèn nên công.

305 - 猥 招 洞 嬖 塘 科 第.
Con cháu dòng nối đường khoa đệ.

鬼 台 司 風 采 喬 山.
Ngôi thai tể phong thái kiều sơn.

雍 容 墨 援 朝 班.
Ung dung mặc cứ triều ban.

勳 名 添 鬱 衣 冠 弼 如.
Huân danh thêm sáng y quan giáu nhà.

哨 樂 山 才 奢 學 博
Tiếng Lạc - sơn tài xa học bác,

阮明哲 310 - 揚 神 童 獲 澤 齊 名
So thần đồng Hoạch - trạch tề danh.

學 哏 到 老 未 成
Mộng răng đáo lão vị thành.
箕 裘 彊 志 史 經 專 勤.
Cơ cầu cường chí sử kinh chuyên cần.
任 安 老 及 旬 齡 褸.
Nhậm an lão cập tuần năm lẻ.
科 辛 未 第 二 名 魁.
Khoa Tân - mùi đệ nhị danh khôi.
315 - 𠀧 哈 神 學 安 排.
Dả hay thần mộng an bài.
玉 鐸 拱 勘 捽 碰 墨 功.
Ngọc lãnh cũng bỏ chuốt mài ra công.
朝 永 壽 敕 封 帥 府.
Triều Vĩnh - thọ sắc phong soái phủ.
捧 金 章 宰 輔 拱 讓.
Phủng kim chương tể phụ cũng nhường.
f°97ᵃ col 1. 𣍐 旬 添 周 兜 郎.
Chín tuần thêm có nhi lang.
320 - 松 筠 烽 霽 桂 香 掘 紅.
Tùng quân giải bóng quế hương chen hồng.
阮春光 柴 突 嶺 書 窓 勤 苦
Chày Đột - lĩnh thư song cần khổ.
學 辰 哈 試 杜 閉 科.
Học thì hay thi đỗ khai khoa.

榮旋顓渚嫩茄.
Vinh toàn sáng nước non nhà.
固功礎牒乞器戚金.
Có công mài thép ắt là nên kim.
范蠡 325- 柴寧舍嘯吣塭一.
Chấy Ninh-xá tiếng tăm bậc nhất.
斷訟情拯日毫釐.
Đoán tụng tình chẳng nhật hào ly.
山西德政群記.
Sơn-tây đức chính còn ghi.
墊獰廊鬣崇祠留芳.
Chợ Nanh làng cũ sùng thờ lưu phương.
坦廊蝀書香繼世.
Dất làng rồng thư hương kế thế.
330- 行岩廊煬鍒簪纓.
Hàng nham lang giải vẻ thâm anh.
彩旗孖孖表旌.
Thái kỳ chữ chữ biểu tinh.
錦旋致仕双榮沒暳.
Cẩm toàn trí sĩ song vinh một ngay.
跩巴裁恩鼿鍾鏤.
Trải ba đời ơn giấy chuông vạc.
道僻猥為諾者警.
Đạo thờ con vì nước giả thư.

f°97. B. col 1.

335 - 城 抛 帢 管 特 輸
Thành Phao nào quản duộc thua.
義 声 添 勵 垀 磬 忠 臣
Nghĩa thanh thêm sáng nên xứa trung thần.

范廷重.

柴 輕 徐 經 文 綿 武
Chấy Khinh dao kinh văn vỹ vũ.
揲 僩 鯑 璇 宇 撳 清
Giệp giặc He toàn vũ quết thanh.
驩 州 閉 黔 長 城
Hoan châu muôn dặm trăng thành.

340 - 边 疆 啃 奇 朝 廷 名 高
Biên cương tiếng cả triều đình danh cao.
塘 科 甲 悯 包 賢 輔
Đường khoa giáp biết bao hiền phụ.
才 非 常 奇 遇 拱 嚗
Tài phi thường kỳ ngộ cũng ghê.

段汝諧

長 津 坦 蒙 兜 齊
Trăng tân đất cảo đâu tày.
剏 壘 偶 尔 蝀 霧 逢 辰
Cửa chiền ngẫu nhĩ rồng mây phùng thì.

345 - 啜 表 文 回 天 飭 奇
Nhởi biểu văn hồi thiên sức cả.
睏 平 占 汝 蔂 諭 書
Thuở bình Chiêm một lá dụ thư.

北 東 隊 准 奉 𢘑
Bắc, đông đuī chớn phụng thờ.
金 錢 烘 烘 崇 祠 榮 封
Kim tiền nở nở sùng tự vinh phong.
陳時見 啃 祇 陳 節 贛 玉 這
Cuống họ Trần tiết trung ngọc giá.
350 - 奸 咽 唉 拱 啡 貼 奸
Gian miệng ăn cũng nhả cuả gian.
f°98°. col 1 貞 高 揭 岗 泰 山
Trinh cao so núi thái sơn.
余 句 象 芳 字 頒 烘 煉
Mấy câu tượng hỏi chữ ban nở dạng.
武惟志 柴 慕 澤 庙 堂 元 宰
Chầy Mộ-trạch miếu đường nguyên tể.
才 棟 樑 吊 沉 科 名
Tài đống lương nào nệ khoa danh.
355 - 壞 逆 隊 陣 功 伶
Coi ngoài đuī trận công lênh.
朝 朝 正 議 字 經 閂 𢘑
Trong triều chính nghị chữ kinh muôn đời.
旗 致 仕 哪 嗌 褒 奬
Cờ thí sĩ vâng nhời bao tướng.
嗚 韓 王 蕭 相 埃 戈
Dầu Hán vương, Tiêu tướng ai qua.

文 紳 製 詩 名 家.
Văn thân xiết kê danh gia.

360. 疎 眼 武 將 彀 畧 將 星.
Trải qua vũ tướng nhiều là tướng tinh.

段尚 箕 松 岳 降 生 擣 度.
Kìa tùng nhạc giáng sinh thung độ.

曝 李 朝 據 守 洪 州.
Chưa Lý triều cứ thủ Hồng châu.

據 陳 節 炀 忝 禪.
Chống trần tiết giải trời thu.

嫩 滝 浩 氣 兜 兜 敬 鯀.
Non sông hiệu khí dâu dâu kính thờ.

陳國峻 365- 萬 劫 祠 威 声 弦 遷.
Vạn kiếp. Từ uy thanh càng lạ.

功 伯 藤 鑿 砂 閃 裁.
Công Bạch đằng tạc đá muôn đời.

f°89. B. col 1. 辟 箕 隸 瀋 賒 移.
Sao kìa mây thẳm xa rời.

嗙 鎌 軻 庙 墜 逃 愾 威.
Tiếng gươm trong miếu cõi ngoài khiếp uy.

盎 功 名 黜 威 猶 虎.
Đáng công danh ra uy tì hổ.

范五老 370- 范 五 老 志 趣 弦 高.
Phạm. ngũ. Lão chí thú càng cao.

娘竜尓卷畧韜.
Nương long mấy quyển lược thao.
江山橫槊約汹武侯.
Giang sơn hoành sáo ước ao vũ hầu.
歌騸 怒異人濕淒極矸.
Nọ dị nhân dành sầu chẳng ngại.
拽軍元路沛劍鎗.
Duổi quân Nguyên loạ phải kiếm sang.
375- 包滝如跳蓮塘.
Vào sông như bước trên đường.
鎚艚鄧渃埃當珊神.
Giùi tàu xuống nước ai đương tay thần.
烏馬兜捽軍術北.
Ô-mã-Nhi rút quân về bắc.
渡東溟沁鰐嘲空
Bến đông minh tắm ngạc bặt không.
下卹祠錦边滝.
Hạ-bi từ gấm bên sông.
380- 沒番撥渃戦功数踈.
Một phen giúp nước nên công lâu dai.
陳慶餘 暴雲屯罌珊将畧.
Thuở Vân-đồn ra tay tướng lược.
庙灵江想像威名.
Miếu linh-giang tưởng tượng uy danh.

f° 99ª. col 1.

物之嫩纔包伶
Vật chi nón vải bao lênh.

旦擯戩啃皆驚底傳
Dấn to nên tiếng giai kinh để truyền.

武文窓 385- 坦巴東怒壞祇武
Dất Ba-đông nọ nên họ Vũ.

墜大同翈鈽戩功
Cõi Đại-đông tay buá nên công.

哪書滅莫同恚
Vâng thư diệt Mạc đồng lòng.

城裹胖踊英雄沒方
Thành Biều còn giàu anh hùng một phương.

磛中行拎恚好善
Xứa Trung hành cầm lòng hiếu thiện.

390- 坦神朱拯哏麼戩
Dất thần cho chẳng hẹn mà nên.

扶黎畧陣衝殃
Phù Lê lược trận xông lên.

功記碑篠恩塡鍍鐘
Công ghi bia thẻ ơn đền vạc chuông.

扨惟坦 怒来格桑蓬奇志
Nọ Lai-cách tang bồng chí cả.

哈使弓立馬埃齊
Hay sử cung lập mã ai tày.

395 - 同朝陵吼祇枚.
Đồng triều lăng lấy họ mai,
拱行郎爵聘祿庙堂.
Cũng hàng quận tước sánh vai miếu đường.
丁文左 祇邯江英才將帥.
Họ Hàm-giang anh tài tướng suý,
芸痧刀毛弭如焼.
Nghề thay giao dã nhẹ như tên.
f°99.B.col.2. 銃哈啃達御前.
Súng thay liếng đạt ngự liền.
400 - 脫鋒聿毛捽權武階.
Thoát vòng lọt dã trao quyền vũ giai,
挾終羨仝番域淄.
Quét chồng gai mấy phen vực nước,
生封王位爵埃朋.
Sinh phong vương vì tước ai bằng,
栽栽威咦嗦陵.
Đời đời uy giậy vang lừng.
固名打僭才邑祇邯.
Có danh đánh giặc tài năng họ Hàm.
405 - 暴車北間閘羈勒
Thuở xe bắc gian quan cơ tích.
心悉丹鉄石拯移.
Tấm lòng đan thiết thạch chẳng rời.

存 亡 蝶 諾 恩 垂
Tồn vong điệp nuớc long giời.
君 臣 義 奇 閑 裁 留 名
Quân thần nghĩa cả muôn đời lưu danh.
才 文 武 將 卿 掣 嗟 計
Tài văn vũ tướng khanh xiết kể.
H10 - 藝 吏 會 体 例 弦 詳
Nghệ lại tào thể lệ cang tường.
箕 易 使 怒 河 場
Kia Dị - sứ nọ Hà - trường.
洞 茹 文 墨 暁 廊 算 書
Đồng nhà văn mặc theo lang toán thư.
役 簿 籍 案 詞 明 達
Việc bạ, tịch án tỏ minh đạt.
翅 公 衙 餐 察 屬 司
Cánh công nha xan xát thuộc ti.
f°100a, col 1 H15 - 仍 才 大 小 渚 奇
Nhưng tài đại tiểu chớ kỳ.
僧 医 遊 士 調 時 高 名
Tăng, y, du - sĩ điều thì cao danh.
光明禪師 柴 光 明 悉 慈 得 道
Thầy Quang-minh lòng từ đắc đạo.
畑 停 爛 顕 報 菩 提
Đền bụt soi hiển báo bồ đề.

降生上國治位.
Giáng sinh thượng quốc trị vì,

420- 边疆頭狩群題安南.
Bên vai giáu chữ cõn tễ An-nam.

翁夢 恕翁夢伽藍修練.
Nọ Ông-Mộng già-lam tu luyện.

為明宗應現求醫.
Vi Minh-Tôn ứng hiện cầu y.

陳朝封救國師.
Trần triều phong sắc quốc sư.

睟朝洪德堆詩偏鐊.
Thuở triều Hồng-đức đôi thơ biển vàng.

惠靜 425- 柴惠靜良方調劑.
Chấy Huệ-Tĩnh lương phương điều tễ.

册指南今計周功.
Sách chỉ nam chỉn kể có công.

周柴医學如洞.
Có thấy y học nhà đông.

朝黎医院道宗軒岐.
Triều Lê Y viện đạo tôn Hiên, Kỳ.

張巴 扎張巴高棋洛勢.
Chăng Cương-Ba cao cờ nước thế.

430- 頭墺祠天帝群依.
Giáu sân từ Thiên-đế cõn y.

f° 100 B, col 1.

武暄

狀 棋 慕 澤 強 嚐
Trạng cờ mộ trạch cang ghê.
使 燕 輸 局 挨 車 術 城
Sứ Yên thua cuộc nài xe về thành.

武豐

狀 交 跌 固 名 善 藝
Trạng giao diệp có danh thiện nghệ.
戮 墂 蟲 力 士 希 當
Trước sân rồng lực sĩ nào đương.

435 -

男 兒 悯 尒 才 良
Nam nhi biết mấy tài lương.
女 流 拱 塌 娘 娘 欣 為
Nữ lưu cũng bậc nường nường hơn với.

汝氏

箕 汝 氏 机 歪 推 測
Kìa Như thị cơ giới suy trắc.
現 相 得 貝 批 枺 銀
Kén tướng người mới bác cầu ngân.
怙 饐 劇 應 石 麟
Đêm lành sớm ứng thạch lân.

440 -

剋 元 兎 燥 仍 旬 童 年
Khởi nguyên đã tỏ những tuần đồng niên.

阮氏

怒 皇 妃 分 緣 兎 定
Nọ hoàng phi phận duyên đã định.
為 地 鉗 一 鏡 照 三
Vì địa kiềm nhất kính chiếu tam.

惜 台 才 學 恪 凡
Tiếc thay tài học khác phàm.
穿 哏 從 一 可 必 拯 哈
Chữ rằng tùng nhất khá làm chẳng hay.
445 - 幾 輪 綾 連 翔 捽 者
Một quận lụa trên tay trao giả.
婆 祇 況 悉 奇 為 欺
Bà họ Thâm lòng cả vì người.
f°101, col 1. 南 霖 應 夢 怙 在
Năm mây ứng mộng đêm giời.
武惟志之母. 南五 梗 丹 桂 調 才 相 卿
Năm cành đan quế điều tài tướng khanh.
丁文左之母 婆 祇 邯 蔡 爭 安 分
Bà họ Thâm lều giành an phận.
450 - 鉑 客 情 拯 認 絲 毫
Bạc khách quên chẳng nhận tơ hào.
福 在 感 應 弭 鞘
Phúc giời cảm ứng nhẹ sao.
沒 鬼 帶 印 祿 靈 王 公
Một ngôi đòi ấn lọc dào vương công.
扶擁節婦 娘 扶 擁 誓 悉 不 二
Nàng Phi-ủng thề lòng bất nhị,
睟 尒 覓 沒 志 寧 寧
Trải mấy nao một chí ninh ninh.

節 貞 達 廸 楓 庭
Tiết trinh đạt đến phong đình.

勅 鐫 碑 碣 芳 名 閃 焂.
Sắc vàng bia đá phương danh muôn đời.

如 餘 財 箕 覇 婁 具.
Nhà dư tài kia giàu bà cụ.

嘆 石 崇 王 愷 可 擄.
Dẫu Thạch-Sùng, Vương-Khải khá so.

睟 碧 富 進 斯 餘.
Theo xưa nhưng tiền ngàn dư.

祇 曺 版 玉 胖 挂 仃 仃.
Họ Tào bản ngọc còn chưa danh danh.

嗟 人 物 才 名 坤 掣.
Kẻ nhân vật tài danh khôn xiết.

睹 民 風 氣 節 拱 嘫.
Xem dân phong khí tiết cũng ghê.

f°101B col 1.

四 莊 當 睟 朝 黎.
Tứ trang đường thuở triều Lê.

錚 放 忠 義 偏 題 鐫 鮮.
Chữ ban trung nghĩa biển đề vàng tươi.

坦 黃 舍 一 鄉 義 勇.
Dất Hoàng-xá nhất hương nghĩa dũng.

當 逆 鯑 飭 操 強 紆.
Đương nghịch Hồ sức chống càng bền.

燈 炷 拯 砀 鋒 煙.
Tưng lưng chẳng ngại phong yên.
澤 胞 沒 胣 爭 先 僧 行.
Trạch bào một già tranh tiên giải hành.
欺 叔 運 悬 弦 堅 戴.
Khi thúc vận lòng căng kiên đội.
埃 青 河 沒 帶 同 盟.
Cõi Thanh-hà một giải đồng minh.
机 垂 鑊 漢 棻 征.
Cơ giới vạc Hán chừng chênh.
悬 得 敵 愾 美 声 哦 嗟.
Lòng người địch khái nghĩa thanh giấy lừng.
怒 烏 垂 帆 扛 楣 波.
Nọ ô thì buồm giương mặt bể.
仉 土 豪 旗 義 衝 霜.
Kẻ thổ-hào cờ nghĩa xung sương.
憾 憾 墨 飭 勤 王.
Hăm hăm ra sức cần vương.
功 戚 閧 隊 燈 賻 榮 封.
Công nên muôn đội nỏ dang vinh phong.
廊 游 礼 穷 悬 和 睦.
Lang Du-lễ cùng lòng hoà mục.
南 堆 勝 庫 稅 摟 終
Năm đôi mùa kho thóc giành chung.

f° 102a, col 1.

隨 時 拖 少 撇 穷
Tuỳ thời đỏ thiểu vật cùng.

豐 亦, 調 覺 扳 洞 義 倉
Phong, hưng điều đủ khơi dòng nghĩa thường.

剏 伕 堂 特 恤 釋 教
Cửa phật đường được vui thích giáo.

盎 如 終 酳 道 阿 嚕
Đám nhà chung say đạo a men.

芾 哈 降 命 自 天
Nào hay giáng mệnh tự thiên.

道 得 極 過 恒 長 彝 衷
Đạo người chẳng quá hằng thì di trung.

態 染 習 沒 墫 沒 恪
Thói nhiễm tập một vùng một khác.

土 宜 嘔 覺 各 物 常
Thổ nghi âu đủ các vật thường.

玳 瑁 波 壖 宜 陽
Đồi - mồi bến bãi Nghi - dương.

炭 山 鸛 洞 珠 樣 鯀 羣
Hiệp - sơn, Hạc - động châu dường vẻ sao.

隴 白 土 虎 牢 香 滌
Lũng Bạch thổ Hổ - lao, Hương - lạt.

遖 鉢 場 倡 個 每 船
Chợ Bát - tràng, Hé - giản mọi thuyền.

庫 歪 慍 底 自 然
Kho giời giành để tự nhiên.
琪 碳 安 朗 白 鉛 戩 塲
Mỏ than Yên-lãng bạch duyên nên trường
簀 赤 土 坦 廊 安 慶
Khia xích thổ dất lang Yên-khánh.
半 林 川 器 四 各 爐
Bán lâm xuyên khí mãnh các lò.
f°102, B, col 1.
495-
藩 鮮 青 汚 土 朱
Thấn tươi Thanh-miện thổ chu.
碍 撑 敬 主 刻 圖 調 戩
Đá xanh Kính-chủ khắc đồ đeu nên.
柑 糖 揲 行 斬 奴 隸
Cam đường sáp hàng ngan nô lệ,
椰 椰 調 産 禮 賓 嘉
Lang ra đeu sản lễ tân gia.
糶 東 對 特 西 茶
Thước đông đối đuợc tây tea.
500- 荔 枝 龍 眼 霖 霜 藩 鑌
Lệ-chi, long-nhãn dường ra thấn vàng
岸 青 松 伴 行 篆 竹
Ngan thanh tùng bạn hàng lục trúc.
怒 豬 皮 鉄 木 隊 尼
Nọ chủ bì, thiết mộc đoi nới.

堆 行 文 句 山 開.
Đôi hàng Văn-cú, Sơn-khai,
聞 鷄 啃 猛 捽 類 羽 毛.
Vẫn kê tiếng mãnh chuốt loài vũ mao,
505- 産 猺 狨 穷 時 黨 鰔.
Sản nai, heo cũng thời thu, vước,
准 山 溪 鼈 式 甘 珍.
Chốn sơn khê tử thức cam trân.
東 江 沒 渡 河 津.
Đông giang một bến hà tân.
鹹 香 味 遥 水 塵 胖 潤.
Hàm hương vị lạ thủy trần còn khói.
貯 錯 殼 坤 咍 恰 計.
Cuả thác hão khôn thay khấp kẻ,
510 軟 四 民 技 芸 拱 絨?
Trong tứ dân kỹ nghệ cũng
f°103a. col 1. 筆 硯 烟 册 文 房.
Bút nghiên đèn sách văn phòng.
洪 州 南 策 饒 洲 詩 書.
Hồng-châu, Nam-sách theo dòng thi thư.
坦 勁 悍 爭 擯 隊 陣.
Dặt kình hãn tranh đua đoi trận,
啃 碧 矜 七 郡 府 荊.
Tiếng xưa nay thất quận phủ Kinh.

515 - 東漸潤淡教聲.
Đông liệm nhuần đượm giáo thanh.
攕藝弓弩恬城弦歌.
Xép nghệ cung nỏ vui thành huyền ca.
仉田家安皮農圃,
Thể điền gia yên bề nông phố,
役女工揔務蚕絲.
Việc nữ công chăm vụ tằm tơ.
儲鎐橐篇軸稛.
Chợ nào thác thước tung tay.
520 - 兵需田器軋哈每圖.
Binh nhu điền khí gồm thay mọi đồ.
各剫爐窖稛哈酌.
Các cửa lò khéo tay hay chước
才方圓學焚爷戈.
Tài phương viên gang thước nào qua,
村嗔鬱劇公家.
Thôn xóm khuya sớm công gia,
栂船共化墨茹公輸
Mẫu thuyền cũng hoá mực nhà Công-Chầu.
525 - 局陶尾擯餙公府.
Cục đào ngoã đua nhau công phủ.
一價楼臺鳳揲蜨躍.
Mái lâu đài phượng múa rồng giỡn.

f°103B. col 1

石 工 藝 窖 彫 鐫
Thạch công nghệ khéo điêu thuyên.
墻 磚 拎 達 碑 傳 新 秋
Thêm xây chín dặm bia truyền nghìn thu.
窖 更 緻 路 求 騂 織
Khéo canh gửi loạ cầu sao chúc,
530 - 纔 墜 毛 調 墻 周 名.
Vải cõi mao đều bậc có danh,
紅 紅 碧 碧 撐 撐
Hồng hồng, biếc biếc, xanh xanh.
丹 鸞 玉 局 市 城 鉼 嘭
Đan-loan, Ngọc-cục thị thành vẻ vang,
坊 紅 蓼 柳 撞 刻 字
Phường Hồng-liêu, Liễu-chang khắc chữ.
本 部 經 部 史 仃 仃
Bản bộ kinh bộ sử danh danh.
535 - 文 房 燇 史 欸 經
Văn phòng nấu sử xôi kinh,
産 舖 書 籍 科 名 犗 才
Sản pho thư tịch khoa danh nên tài.
周 廊 哈 車 蓼 結 網
Có làng hay xe gai kết võng,
啃 搗 砧 永 永 更 鼜
Tiếng đảo châm vắng vắng canh khuya.

固 廊 經 薈 墺 芟
Có lang kên coí sản tay.

540 - 鍒 花 麵 鼥 鼈 咍 每 芸.
Vẽ hoa mặt trông đủ hay mọi nghề.

廊 鄒 溪 痂 鑲 痂 鈶.
Lang Trâu. khê tay vàng tay bạc.

斤 沛 揚 狩 墨 中 平.
Cân phải giường giữ mực trung bình,

f° 104, col 1.

廊 高 署 錫 錄 精.
Lang Cao thợ thiếc lọc tinh.

金 環 羅 井 芸 鐫 弦 嚐.
Kim hoàn La. tỉnh nghề lành càng ghê,

545 - 廊 熹 皮 揇 行 鼥 麃.
Lang thuộc bì sấp hàng hứa ủng.

圖 慔 耶 圭 鏡 拱 曾.
Đồ mưu gia hòm sứng cũng từng.

廊 陶 芸 業 哇 能.
Lang Đào nghề nghiệp siêng năng.

連 痂 邊 凍 救 彙 腠 贛.
Trên tay gió mát mưa vàng giăng trong.

畧 穫 澤 固 功 勉 密.
Lược Hoạch. trạch có công nhỏ nhặt,

550 - 香 楊 調 嗷 吻 邊 逶.
Hương dương điều ngào ngạt gió đưa.

安仁嘯棋傳賒
An-nhân tiếng mưa truyền xa,
廊遼包鼜麵膠嘁嘁.
Lang Liêu bao trống mặt gia thình thình.
搥鼿撞鍼形竜鳳.
Vậy mũ chàng nên hình long, phượng,
署東郊梅樣兜欣.
Chợ Đông-giao mẫu dáng tâu hòn.
555- 固緣哏抪膠山
Có duyên gắn bó keo sơn.
廊遼廊傑壞綸湘鐀
Lang Liêu, lang Kiệt nên sơn tường vàng,
箕道溪怒廊香偈
Kia Đạo-khê nọ lang Hương-kệ.
碏河濱頭底胖卬
Xưa hà tân giáu để con ấn,
f°104, a, col 1 東溪杜舍隊汚.
Đông-khê, Đỗ-xá đôi miền.
560. 戲皇紂緦法傳細矜
Hy hoàng chai luốc phép truyền tới nay,
廊寥舍檜磁禿穡
Lang Liêu-xá cối xay thóc lúa,
怒廊餒鬧妳攣拥.
Nọ lang Đoàn nòm, đó đủ dùng.

廊 邯 各 隩 兌 東
Lang Hàm các mái đoài đông.
如 撩 鍔 月 墦 籠 霏 靄
Nhà hèo vành nguyệt sân lồng bóng mây.
565 - 坦 東 潘 腩 暩 爣 鄴
Đất Đông-phan tháng ngày hun trúng,
爨 爣 奎 醭 竒 生 生
Rấm lò giời gây giống xinh xinh,
箕 兜 爣 鎖 撐 撐
Kìa đâu khói tỏa xanh xanh,
白 塩 赤 密 功 程 焅 爣
Bạch-diêm, xích-mật công trình nấu nung,
爣 石 荔 貝 穷 同 載
Lò Chạch-lời với cùng Đông-Đài,
570 - 怒 華 憑 玳 璔 每 廊
Nọ Hoa-bằng, Đại-mại mọi làng,
腩 瓊 慶 祀 禮 常
Diệu quỳnh khánh tự lễ thường.
耐 調 麵 孽 味 香 恤 爣
Cay điều miến nghiệt nuối hương nào nùng,
欺 献 畝 簡 功 田 事
Khi quyến mãi giản công điền sự,
得 鯉 鴣 穷 仉 狷 狖
Người lưới chim cùng kẻ săn hiêu.

f° 105ª, col 1.

575 - 蕭 湘 恬 趣 逍 遙
Tiêu tương vui thú tiêu dao,
笛 漁 麪 渚 歌 樵 頭 嫩
Địch ngư mặt nước ca tiều đầu non,
墟 半 奔 得 冬 山 海.
Chợ bán buôn người đông sớm hải,
杪 昂 滝 戈 吏 戚 圖.
Cầu ngang sông qua lại nên đồ.
隊 番 掛 卓 有 無.
Đoi phen đổi chác hữu vô,
580 - 民 生 日 用 饜 飫 式 拥.
Dân sinh nhật dụng đủ no thúc dùng,
仉 船 笈 跣 洞 泱 虎
Kẻ thuyền bè theo dòng xuôi ngược
蓮 六 頭 帶 渚 潮 墅
Trên Lục-đầu dưới nước chiều giăng,
羅 昭 仉 蹟 滝 藤.
La chiêu kẻ vượt sông Đăng,
渚 圖 北 貨 貲 層 南 舟.
Chở đồ bắc hoá chất tầng nam chu,
585 - 席 闍 藏 啃 歌 泠 泠
Tiệc tàng yến tiếng ca lanh lảnh
鍒 帽 仙 擘 翅 熠 爝.
Về mũ tiên múa cánh rập dìu.

戳 宮 墅 曲 笙 簫.
Cuốc cung giáng khúc sính tiêu.
永 喧 怯 像 鈞 韶 边 聰.
Vắng nghe mang dáng quân thiều bên tai.
陡 余 稚 囤 愜 斛 渚.
Trải mấy thu vậy nưu cơ nước,
590 - 嫌 怯 群 落 度 鴟 鴻.
Hiềm chút còn lác đác chim hồng.
fo 105. col 1. 閔 曉 占 占 瞠 蝀.
Muôn trông chờn chờn ngại vừng.
妗 吝 嚴 瀟 剭 悉 畢 方.
Chín lần nghiêm thẳm tác lòng bốn phương
擯 旋 幹 拗 迎 宇 宙.
May toan cán sửa sang nữ trụ,
爲 光 明 瞳 透 穹 彫.
Được quang minh soi thấu cung điêu.
595 - 嗣 愶 德 嶂 仁 堯.
Dãy mừng đức Thuấn, nhân Nghiêu,
黛 滌 甘 雨 遬 調 南 薰.
Mây tuôn cam vũ gió điều nam huân.
塿 海 濱 唏 春 拱 泣.
Cõi hải tần hơi xuân cũng khắp,
緬 江 山 牒 錦 涂 鮮.
Mặt giang sơn vẻ gấm thêm tươi.

觀 光 喏 嚜 都 才.
Quan quang náo nức đua tài.

600 - 廉 泉 讓 井 拱 恢 態 矯.
Liêm tuyền nhường tỉnh cũng vui thói lành.

鞏 闕 庭 登 排 貢 篚.
Dưới khuyết đình giảng bài công phí.

淮 賒 則 恢 鍒 生 涯.
Chốn xa gần vui nghề sinh nhai,

閍 南 勢 凭 山 河.
Muôn năm thế vững sơn hà.

604 兜 兜 調 咿 曲 歌 太 平.
Đâu đâu điều giọng khúc ca thái bình!

Quán Ven Đường mượn từ thư viện Đại Học Yale

金雲翹歌.
Kim. Vân. Kiều ca.

王氏留傳存名跡.
Vương thị lưu truyền tồn danh tích.
明朝威鎮尚南陲.
Minh triều uy trấn thượng nam thuỳ.

AB. 222.

成泰十九年中秋八月
Thành thái thập cửu niên trung thu bát nguyệt.
編成之吉.
biên thành chi cát.
桃源玉樹良家子承編.
Đào nguyên ngọc thụ lương gia tử thừa biên.

f° 1.B col 1.

賚 扎 才 子 佳 人.
Chây chang tai tử giai nhân.

聊 聰 婑 嗨 事 情 翔 喃.
Lâng tai em hỏi sự tình kiều nôm.

如 翁 員 外 余 猥.
Nhã ông viên - ngoại mấy con.

4. 為 埃 攔 掃 多 恍 買 翔.
Vi ai gian giúc đa mang mới Khiều.

埃 術 殺 制 東 遼.
Ơi vê chiệu chế Đông - liêu.

埃 麼 証 托 朱 翔 貂 冤.
Ơi ma vu thác cho Khiều chiệu oan.

翁 絲 寔 窖 多 端.
Ông tơ thực khéo đa đoan.

8- 車 綀 鞘 窖 搖 乾 搖 扦.
Xe giây sao khéo vỏ can vỏ xiên.

為 埃 翔 袱 監 生.
Vi ai Khiều lấy giám - sinh.

嘤 呵 沒 刻 風 情 奄 悄.
Hăng hỏ một đứa phong tình đã quen.

為 埃 翔 沛 扽 劳.
Vi ai Khiều phải đơn đau.

12 拱 算 揌 嬪 陳 朱 買 芾.
Cũng toan giải nợ Trần, Châu mấy đời.

	迨	埃	伴	翳	細	尼	
	Gặp	ai	bạn	cũ	tới	nơi	
	吶	哏	胖	磌	儥	裁	薯	衝
	Nói	rằng	còn	nặng	nợ	đời	chưa	xong.
		埃	麾	喿	嘭	同	同
		Ơi	mai	quở	mắng	đung	đung.
16.	為	埃	麾	脫	嬭	銨	塵	埃
	Vì	ai	mà	thoát	nợ	vòng	trần	ai,
		嚕	煉	襜	鳳	禛	鸞	
		Rỏ	dang	gói	phượng	chăn	loan,	
	穷	儥	鑿	豺	記	鐊	丁	寧
	Cùng	nhau	tạc	dá	ghi	vàng	đinh	ninh.
		為	埃	淊	陣	雷	霆	
		Vì	ai	nỡi	trận	lôi	đình.	
20.	卽	奇	撈	狟	分	呈	剿	官
	Cúc	thời	giặt	đến	phân	trình	của	quan.
		埃	麾	麵	鉄	嗇	嗦	
		Ơi	mà	mặt	sắt	tiếng	vang.	
	罢	威	吉	蓓	花	鐊	殴	冤
	Ra	uy	cát	bụi	hoa	vàng	chục	oan,
		恩	埃	麾	察	悉	傷	
		Ơn	ai	mà	xét	lòng	thương.	
24.	付	朱	和	合	順	塘	逿	家
	Phó	cho	hoà	hợp	thuận	đường	qui	gia.

固 庄 些 悯 事 些
Có chẳng ta biết sự ta,

爙 餒 吏 淼 平 巴 炤 燶
Nắng nực lại lội bằng ba lúa nông.

如 連 嚴 父 毋 衝
Nhà trên nghiêm phụ đã xong.

28 - 群 咴 边 娶 边 從 主 張
Còn e bên thú bên tòng chủ trương.

埃 麽 焠 炷 房 香
Ai mà đốt cháy phòng hương.

為 埃 麽 沛 主 張 吠 吨
Vì ai mà phải chủ trương giậy đôn.

埃 貼 餡 蘇 保 娘
Ai xem cỏn, thước bảo nàng.

32 - 哏 浪 瞄 覩 伴 鑌 么 青
Giận nàng nom thấy bạn vàng làm thinh.

fo 2. B. col 1. 埃 麽 朱 登 廚 躬
Ai mà cho ở chùa mình.

悸 埃 翟 吏 咴 情 罢 彭
Sợ ai vả lại e tình ra ti.

為 埃 麽 啾 馬 題
Vì ai mà gửi mã đề.

36 - 翹 兜 嶁 吏 再 術 樓 撑
Kiều nhi sau lại tái về lầu xanh.

迨 埃 客 羣 边 亭
Gặp ai khách ở bên đình.

為 埃 来 吏 顯 榮 報 填
Vì ai rồi lại hiển vinh báo đền.

心 朱 燻 緬 非 常
Lâm cho tỏ mặt phi thường.

40 - 南五 離 来 吏 化 戚 散 情
Năm năm rồi lại hoá nên tan tành.

為 埃 默 沛 奸 萌
Vì ai mắc phải gian manh,

錢 塘 翹 沛 招 輪 為 埃
Tiền đường Kiều phải gieo mình vì ai,

歪 兜 固 負 仉 才
Thời đâu có phụ kẻ tài.

44 - 埃 麽 撚 鯉 撻 財 江 津
Ai mà cầm lưới vớt chài giang tân.

恩 埃 翹 特 修 身
Ơn ai Kiều được tu thân.

想 哏 撿 瀝 嬪 难 陳 朱
Tưởng rằng giữ sạch nợ nần Trần, Châu.

瑟 琴 麽 吏 迨 儼
Sắt, cầm mà lại gặp nhau,

48 - 字 情 字 孝 固 兜 院 輪
Chữ tình, chữ hiếu có đâu vẹn tròn.

fo 3a. col 2.

埃 麽 揲 印 辭 官.
Ai mā xếp ấn từ quan,

窮 儻 生 死 朱 甘 叮 求.
Cùng nhau sinh tử cho cam sở cầu.

緣 至 斆 吏 退 儻.
Duyên giời may lại gặp nhau,

52 - 冀 埃 者 景 戰 樓 窮 術.
Kiả ai giả cảnh trước sau cùng vì,

世 吊 扎 講 朱 聽.
Thế nào chẳng giảng cho nghe,

各 衆 事 跡 每 皮 頭 雖.
Cái trong sự tích mọi bề đầu đuôi.

問 而 又 答.
Vấn nhi hựu đáp.

因 欺 從 且 清 閑.
Nhân khi thong thả thanh nhàn,

56 - 傳 翹 𠬠 喊 燴 痳 沒 欺.
Truyện kiều tay kể nó đang một khi,

風 情 古 錄 群 記.
Phong tình cổ lục còn ghi,

哏 衆 嘉 靖 朝 時 如 明.
Rằng trong Gia-tĩnh triều thì nhà Minh.

王 翁 富 貴 顯 榮
Vương ông phú quí hiển vinh,

60 - 双 全 夫 婦 寔 情 空 差.
Song toàn phu phụ thực tình không sai,
福 生 台二 妈 汉 糈.
Phúc sinh hai gái một giai,
翠 翔 第 一 次 台二 雲 娘.
Thúy - Kiều đệ nhất thứ hai Vân nang.

f°3.B col 1. 王 觀 孤 辖 爐 煉.
Vương - Quan con út nó đang,

64 - 文 章 俊 秀 六 郎 聘 齊.
Văn chương tuấn tú lục lang sánh tày.
娘 雲 胗 雪 鬟 髮.
Nang Vân gia tuyết tóc mày.
當 坊 玉 佩 寔 兩 女 才.
Đáng phường ngọc bội thực tay nữ tài.
娘 翔 似 客 蓬 萊.
Nang Kiều tựa khách bồng lai.

68 - 膴 輪 昧 鳳 眉 蜱 切 他.
Mồi son mất phượng mày ngài thiết tha.
吧 嗹 鮮 女 寡 花.
Miệng cười tươi nở trăm hoa,
琴 棋 詩 畫 唱 歌 精 詳.
Cầm, kỳ, thi, hoạ xướng ca tinh tường.

	𠊛	戚	國	色	天	香	
	Đã	nên	quốc	sắc	thiên	hương.	
72 -	當	𢫏	金	馬	玉	堂	𠉛	罢
	Đáng	tay	kim	mã	ngọc	đường	vào	ra,
	清	明	𠓨	節	腊	巴		
	Thanh	minh	trong	tiết	tháng	ba,		
	啃	吨	泣	歇	則	餘	遡	排
	Tiếng	đồn	khắp	hết	gần	xa	chơi	bời.
	務	春	從	且	昌	𠓨		
	Mùa	xuân	thong	thả	ngày	trời.		
76 -	姉	𡥈	慚	拶	彡	遡	沒	吝
	Chị	em	sắm	sửa	đi	chơi	một	lần.
	拱	哭	天	地	磋	運		
	Cũng	lại	thiên	địa	xoay	vần.		
	自	然	瞟	黮	墓	墳	淡	仙
	Tự	nhiên	trông	thấy	mộ	phần	Đạm	Tiên.
f° 4, col 1.	塔	香	跪	𥘅	嗯	願		
	Tháp	hương	quỳ	lấy	khấn	nguyện.		
80 -	淚	洓	淚	淚	坤	安	𠊓心	悬
	Sụt	sùi	giọt	lệ	khôn	yên	tấm	lòng.
	閉	篠	供	拜	𠊛	衝		
	Bấy	giờ	cúng	bái	đã	xong.		
	情	期	迟	綿	絲	紅	歪	揮
	Tình	cờ	gặp	mối	tơ	hồng	gieo	xe.

姉 媕 欺 哄 罢 嘶
Chị em khi giờ ra về.

84- 迢 扎 金 重 提 攜 邊 腔.
Gặp chàng Kim - Trọng đề huề giờ giàng.
悟 憁 空 便 吶 能.
Chẹn thung không tiện nói năng,
台 翔 哎 淚 納 澄 帶 花.
Hai Kiều e lệ nép chừng dưới hoa,
王 覓 悄 麵 豬 罢.
Vương - Quan quen mặt giờ ra,

88- 嘲 咄 貴 友 塘 賒 斬 重.
Chào mới quí hữu đường xa nghìn trùng.
買 咍 偶 尔 相 逢.
Mới hay ngẫu nhĩ tương phùng.
自 然 花 蓝 動 悉 蛇 蝓.
Tự nhiên hoa nhị động lòng bướm ong.
徐 欺 豬 蹟 閨 房.
Từ khi giờ gót khuê phòng.

92- 冰 寬 悉 仍 想 悉 約 泛.
Băn khoan lòng nhưng tưởng lòng ước ao,
悯 哏 緣 玖 世 芾.
Biết rằng duyên số thế nào,
最 牍 固 特 相 交 字 情.
Mai sau có dịp tương giao chữ tình.

fo 4 B col 1.

淡 仙 買 寔 英 灵.
Dạm Tiên mấy thực anh linh,

96 - 連 腊 歇 意 現 形 到 遰.
Liên đêm hôm ấy hiện hình đến chơi.
吲 嗹 碣 各 每 唎.
Giận giờ hết các mọi lời.
新 腸 窖 撰 麵 得 無 緣.
Đoạn tràng khéo chọn mặt người vô duyên.
扎 金 踖 默 氷 汚.
Chăng Kim tích dạm băng miền.

100 - 相 思 隊 底 汶 边 軟 憑.
Tương tư luống để một bên trong lòng.
鼕 吟 經 史 書 房.
Chờ ở kinh sử thư phòng.
腊 秋 陳 濁 畑 烇 更 戝.
Đêm thu trần trực đến chong canh dài.
戝 箕 埃 𠊛 悯 埃.
Trước kia ai đã biết ai,

104 - 為 兜 戚 餒 扣 帶 字 情.
Vì đâu nên nỗi đeo đai chữ tình.
扎 金 發 蹕 功 程.
Chăng Kim chửa khó công trình.
尋 尼 寓 館 探 情 貼 鞘.
Tìm nơi ngụ quán thăm tình dem sao,

審 嚴 鎖 𨒫 洞 桃.
Thẩm nghiêm khoá cửa động đào.

108 - 絶 戊 帝 惱 仉 包 得 罢.
Tuyệt mũ nào biết kẻ vào người ra,

坤 頑 之 買 膝 粧.
Khôn ngoan chi mấy giăng giá.

沒 枚 蹈 景 壩 花 遡 排.
Một mai giạo cảnh vườn hoa chơi bời.

f°5ª col 1. 買 哈 閉 事 在 乏.
Mới hay muốn sự tại giời.

112 - 扒 金 罢 覩 釵 揀 挖 蹴.
Chăng Kim ra thấy thoa rời tem vê.

連 扼 瞷 眄 叱 孱
Liền tay ngắm nghía tẻ hè.

噞 緣 空 沛 鞘 蹴 扼 些.
Ngẫm duyên không phải sao vê tay ta.

劇 救 吏 覩 翅 罢.
Sớm mai lại thấy kiểu ra,

116 - 尋 眴 固 体 隻 釵 鉄 来.
Tìm xem có thấy chiếc thoa mất rồi.

扒 金 蓮 啃 噉 唎.
Chăng Kim lên tiếng mắng lời.

自 然 扒 特 釵 揀 拱 奇
Tự nhiên bất được thoa rời cũng kỳ.

唑 鑼 動 意 翹 兜
Nhỏi vang động ý Kiều - nhi,

120 - 恩 得 君 子 詭 夷 賄 揔
On người quân tử xá gì của nói.

堆 边 迭 捧 緣 尖
Đôi bên gặp gỡ duyên giời.

穷 儼 攙 掃 包 尼 軸 如
Cùng nhau giải giú vào nói trong nhà.

仍 罗 嚼 傳 則 賒
Những la trò truyện gần xa,

124 - 俸 覌 吏 僥 粘 如 買 邊
Bổng tàu lại thấy tên nhà mới sang.

軸 詞 恩 保 金 郎
Trong tờ nhắn báo Kim - lang.

蹴 如 殴 制 底 喪 叔 堂
Về nhà chiêu chế để tang thúc đường.

fo 5, B, col 1. 悯 包 犁 餒 慘 傷
Bái bao xiết nỗi thảm thương.

128 - 閉 霖 沛 殴 遼 陽 豬 蹴
Bay giờ phải chiều Liêu - dương giờ về.

扎 金 踏 黮 山 溪
Chàng Kim tịch dặm sơn khê.

娘 翹 胖 駭 塢 咏 恤 油
Nàng Kiều còn hãi ư ê buồn dầu.

翁 絲 鞘 塞 机 求.
Ông tơ sao khéo có cầu.

132 - 自 然 禍 到 簪 兜 即 時.
Tự nhiên hoạ đến ở đâu tức thì.

半 絲 罢 仃 奸 非.
Bán tơ là dứa gian phi.

誣 朱 員 外 丕 時 囚 牢.
Vu cho Viên ngoại vậy thì tù lao.

翠 翔 坤 悯 心 鞘.
Thuý Kiều khôn biết làm sao.

136 - 群 怙 報 答 惜 吊 到 身.
Còn lo báo đáp tiếc nào đến thân.

是 非 台二 窿 坤 分.
Thị phi hai nhẽ khôn phân.

心 猥 黜 派 坦 恩 生 成.
Lòm con trước phải đền ơn sinh thành.

閉 暴 翔 決 半 躬.
Bấy giờ Kiều quyết bán mình

140 - 底 麽 贖 祕 罪 情 朱 吒.
Để mà chuộc lấy tội tình cho cha.

樓 撑 固 媒 秀 婆.
Lầu xanh có mụ Tú Bà.

余 英 祇 馬 貉 罢 監 生.
Mấy anh họ Mã tên là Giám Sinh.

f°6ª col 1.

暄 粥 翔 憫 半 躬.
Nghe lên Kiều muốn bán mình.

144 - 保 儼 到 帝 此 情 貼 鞘.
Bảo nhau đến dấy thử tình xem sao?

咩 粥 綿 俚 尋 包.
Bắn lên nói lại tìm vào.

撲 沙 小 妾 歿 包 拱 停.
Mua lâm tiểu thiếp hết bao cũng đành.

楚 巴 暮 兩 仃 仃.
Dử ba trăm lạng đành đành.

148 - 撲 蹴 扒 蓋 樓 撐 特 油.
Mua về bắt ở lâu xanh giải giầu.

翠 翔 啄 屬 戮 貼.
Thúy Kiều thửa hết trước sau.

哏 鞘 戮 吶 小 侯 麼 催.
Rằng sao trước nói tiểu hầu mà thôi.

悲 祿 蓋 拯 如 咍.
Bây giờ ở chẳng như nhời.

152 - 世 辰 拱 費 迭 荒 春 撐.
Thế thì cũng phí mất tới xuân xanh.

秀 婆 暄 燻 分 明.
Tú - Bà nghe tỏ phân minh.

閉 眛 買 沒 三 彭 媒 蓮.
Bấy giờ mấy nói tam bành mụ lên.

娘 翹 慘 切 因 緣.
Nàng Kiều thảm thiết nhân duyên,

156- 袟 刀 葬 竹 決 連 捐 生.
Lấy giao lại trúc quyết liền quyên sinh,

淡 仙 娘 寔 英 灵.
Dạm - Tiên nàng thực anh linh,

頭 株 跨 吶 分 明 每 唎.
Đầu giường đứng nói phân minh mọi lời.

fo 6. B col 1. 斷 腸 效 固 名 耒.
Đoạn tràng sờ có tên rồi.

160- 拱 算 道 嬪 塵 裁 特 鞘.
Cũng toan trốn nợ trần đổi được sao,

秀 妥 塊 落 魄 漂
Tú - Bà hồn lạc phách xiêu,

蘇 湯 堵 悴 習 招 買 安.
Thuốc thang đỗ chết giặt giũ mới yên.

料 唎 講 解 味 灌.
Liệu lời giảng giải giọ khuyên.

164- 娘 翹 聽 律 買 安 尼心 憑
Nàng Kiều nghe lọt mấy yên lắm lòng.

樓 撐 挎 剌 門 房.
Lâu xanh lìa cửa môn phòng,

詔 花 排 帶 虻 蝓 喑 喑.
Chiêu hoa lối giọc bướm ong ấm ấm.

傷 身 隔 仍 哭 怀 .
Thương thân lường nhưng khóc thảm .

168 - 拯 哈 娘 伴 知 音 透 情 .
Chẳng hay nàng bạn tri âm thấu tình .

拱 甘 蓉 准 樓 撑 .
Củng cam ở chốn lâu xanh .

俸 兜 吏 覩 楚 卿 罢 包 .
Bổng đâu lại thấy Sở Khanh ra vào .

体 得 而 貌 青 騷 .
Thấy người diện mạo thanh tao .

172 - 襖 裙 歷 事 咸 包 燈 煬 .
Áo quần lịch sự bánh bao nhỏ dáng .

悉 春 迺 動 意 娘 .
Lòng xuân đã động ý nàng .

字 情 穩 餒 為 扎 扫 帶 .
Chữ tình nên nỗi vì chàng theo đai .

p 97 a col 1 . 打 料 掀 幅 幾 梅 .
Đánh liều gửi bức tiên mai ,

176 - 復 書 迺 覩 信 來 改 歸 .
Phục thư đã thấy tin lai gửi về .

覩 於 昔 越 字 題 .
Thấy hai tích việt chữ đề .

和以 軸 意 思 麽 推 拱 奇 .
Lấy tùng ý tứ mà suy củng kỳ .

日 二 十 歲 時 彡.
Ngày hai mười một thì đi.

180 - 衆 如 徐 戍 丕 時 空 差.
Trong như giờ tuất vậy thì không sai,
扔 哏 埃 拱 如 埃.
Nghĩ rằng ai cũng như ai,
吊 悞 默 沛 佗 糊 打 騙.
Nào ngờ mắc phải bọm giai dánh lừa.
脂 号 鞿 杏 腔 瞞.
Đêm khuya sao lận giăng mờ.

184 - 跣 彡 身 妈 已 為 鈡 塘.
Bước đi thân gái bơ vơ giữa đường.
秀 婆 包 鉭 房 香.
Cứ Bà vào đến phòng hương.
嗨 貼 買 別 哏 娘 遒 彡.
Hỏi xem mới biết rằng nàng trốn đi.
風 雷 沒 恨 郎 時.
Phong lôi nổi giận tức thì.

188 - 跪 跣 雄 勇 調 術 墨 威.
Quỏi theo hùng dũng điều về ra uy.
嘲 台 毒 哄 寔 轎.
Gớm thay độc dữ thực ghê.
當 痂 招 柳 被 花 忸 之.
Đang tay vùi liễu bẻ hoa xót gì.

娘 翹 嗔 褲 云 爲.
Nàng Kiều van lấy vân vì,

192 - 哏 娘 分 媽 丕 時 到 低.
Rằng nàng phận gái vậy thì đến đây.
分 薄 包 管 滿 浩.
Phận bèo bao quản với đầy.
瞶 暴 閉 事 豬 咍 在 得.
Bấy giờ muốn sẹ giờ hay tại người,
馬 翹 兜 拱 到 尼.
Mã Kiều đâu cũng đến nơi,

196 - 恠 娘 墨 買 吽 唎 發 端.
Xót nàng ra mới ngờ lời chiêu đoan.
嘽 嗟 楚 喝 每 塘.
Giận giờ đứ hết mọi đường.
拯 戈 做 拱 沒 坊 買 餓.
Chẳng qua nó cũng một phường mãy nhau.
無 情 默 沛 謀 婁.
Vô tình mắc phải mưu sâu.

200 - 仍 倣 仕 罷 唏 兜 粘 唎.
Nhưng tưởng bợm bãi hời đâu tin lời.
楚 卿 兜 拱 到 尼
Sở Khanh đâu cũng đến nơi.
哄 興 喂 嚇 啐 唎 如 空.
Hung hăng quở mắng nuốt lời như không.

秀 婆 因 睨 從 容.
Tú - Bà nhân buổi thong dong.

204 - 閉 暴 瞎 吏 吠 軸 氣 芸.
Bấy giờ ghé lại giấy trong tâm nghề.
翔 弦 麵 鴉 鬻 唉.
Kiểu càng mặt ư may ê.
鷂 悉 學 祕 仍 芸 業 哈.
Mỏ lòng học lấy những nghề nghiệp hay.
f°8, col 1. 樓 撐 狼 挎 腦 暱.
Lâu xanh nuống tựa tháng ngày.

208 - 傷 身 扔 拱 噔 嗟 聂 塘.
Thương thân nghĩ cũng dặng cay trăm đường.
固 得 儒 士 賢 良.
Có người nho sĩ hiền lương.
束 生 烙 嚕 丱 常 罢 圭.
Thúc - Sinh tên gọi, Châu Thường là quê.
為 花 緘 蚿 沛 迷.
Vì hoa nên buổm phải mê.

212 - 帖 紅 生 貿 吹 術 尽 尼.
Thiếp hồng sinh mới gửi về tận nơi.
秀 婆 瞳 拱 順 唎.
Tú - Bà nghe cũng thuận lời.
翠 翔 脫 塊 嬪 裁 樓 撐.
Thúy - Kiều thoát khỏi nợ đời lâu xanh.

堆 边 聘 合 緣 饍
Đối bên sánh hợp duyên lành.

216. 椿 堂 兜 俸 日 程 到 尼
Xuân đường đâu bổng nhật trình đến nơi.
風 雷 沒 憚 排 排
Phong lôi nổi trận bời bời.
女 芾 分 把 叫 堆 媚 戮
Nữ nào phân rẽ làm đôi vợ chồng.
束 生 只 決 沒 悉
Thúc Sinh chỉ quyết một lòng.
220. 嘻 油 黨 黲 拱 空 發 移
Vì dù sấm sét cũng không chuyển rời.
束 翁 憚 拯 如 唎
Thúc ông giận chẳng như lời,
叫 單 即 刻 包 尼 縣 堂
Làm đơn tức khắc vào nơi huyện đường.
f°8. B. col 1. 嗃 嗊 梗 院 燻 詳
Kêu van ngành ngọn tỏ tường.
224. 倍 鎮 草 札 縣 堂 差 趁
Vội vàng thảo trát huyện đường sai đi.
翠 翔 扒 到 即 辰
Thúy Kiều bắt đến tức thì.
縣 堂 戮 嗊 墨 威 打 屯
Huyện đường thuốc hãy ra uy đánh đòn.

束 生 到 抵 叫 冤.
Thúc - Sinh đến để kêu oan.

228 - 公 堂 恠 如 周 喇 官 吏 和.
Công đường nhỏ có lời quan lại hoà.

竹 梅 森 合 沒 如.
Trúc, mai xum họp một nhà.

束 翁 貴 化 嘤 嘛 欣 習.
Thúc - ông quí hoá mận mai hớn xưa.

不 情 之 駭 翁 然.
Bất tình chi hỡi ông ta.

232 - 从 朱 桃 李 盧 疎 離 梗.
Lâm cho đào, lý lơ thơ lìa ngành.

宦 姐 聑 爐 眞 情.
Hoạn - thư nghe nỗ chân tình.

果 然 哏 寔 束 生 祕 翔.
Quả nhiên rằng thực Thúc - Sinh lấy Kiều.

責 埃 蔡 拯 悧 調.
Trách ai ở chẳng biết điều.

236 - 女 芾 麽 吏 鬆 朝 嗊 些.
Nỡ nào mà lại ra chiều giàu ta.

閉 祿 踪 跋 吏 如.
Bấy giờ kịp giờ lại nhà,

事 情 疎 碣 買 妥 夫 人.
Sự tình thưa hết mấy ba phu nhân.

fog, col 1.

	哏	猥	𠊛	料	謀	神		
	Rằng	con	tá	liệu	mưu	thần		
240 –	犬	鷹	台	仔	蹈	頭	寧	船
	Khuyển	Ưng	hai	đứa	rồi	chân	xuống	thuyền
	臨	淄	緇	急	氷	沔		
	Lâm	truy	may	kịp	băng	miên		
	翠	翔	沛	扒	調	連	術	低
	Thuý	Kiều	phải	bắt	điệu	liền	về	đây
	犬	鷹	哪	令	趁	宜正		
	Khuyển	Ưng	vâng	lệnh	đi	ngay		
244 –	順	帆	沒	夢	到	劇	州	台
	Thuận	buồm	một	lá	đến	dậy	châu	Thai
	娘	當	嗯	擇	伏	臺		
	Nàng	đường	khẩn	vái	phật	đài		
	喑	喑	到	扒	芾	埃	𠊛	詳
	Âm	âm	đến	bắt	nào	ai	đá	tường
	焰	柊	院	册	房	香		
	Lửa	giong	viện	sách	phòng	hương		
248 –	産	屘	無	主	边	塘	祕	宜正
	Sản	thầy	vô	chủ	bên	đường	lấy	ngay
	吝	崇	包	帝	埃	哈		
	Lận	sùng	vào	đây	ai	hay		
	順	帆	欻	遶	船	掩	跋	術
	Thuận	buồm	xuôi	gió	thuyền	quay	giỏ	về

束 翁 如 拱 則 棋
Thúc ông nhã cũng gần kê.

252- 姅 脂 覩 炤 罰 皮 慱 驚.
Nứa têm thấy lứa tư bề sợ kinh.

帋 怓 失 意 無 情.
Náo ngộ thất ý vô tình.

妯 猥 空 覩 強 生 恼 油.
Dâu con không thấy cang sinh buồn dầu.

fº 9 B. col 1. 佪 柴 尋 戮 尋 隨.
Có thấy tìm trước tìm sau.

256- 想 哏 翔 龜 烃 侯 罢 炭.
Cưởng ràng Khiêu đá cháy hầu ra than.

保 儭 急 踣 怓 喪.
Bảo nhau kíp vội lo tang.

束 生 被 貝 问 安 術 如.
Thúc Sinh vừa mấy vấn an về nhã.

勿 躰 撵 哭 切 他.
Vật mình lăn khóc thiết tha.

260- 嘆 哏 悧 特 包 徐 迎 仙.
Than ràng biết dược bao giờ gặp tiên.

娘 翔 納 戮 帳 前.
Nàng Khiêu nép trước trướng tiền.

夫 人 干 愞 沒 蓮 卽 辰.
Phu nhân cản giận nỗi lên thúc thì.

唱 鑼 吻 嚊 墨 威 .
Vội vàng thết mảng ra uy .

264 – 駭 朱 巴 逐 丕 辰 悯 身 .
Hải cho ba chục vậy thì biết thân .

吠 哏 餉 沛 跡 頭 .
Giậy răng may phải theo chân .

朱 迎 边 意 侯 貯 官 姐 .
Cho sang bên ấy hầu gần Hoạn - Thư .

遝 遘 弔 悯 寔 虛 .
Lạ lùng nào biết thực hư .

268 – 翠 翔 拱 沛 哪 如 咧 傳 .
Thuy - Kiều cũng phải vâng như lời truyền .

固 得 膿 跛 討 賢 .
Có người bụng già thảo hiền .

藷 詳 特 祇 特 炤 劳 弔 .
Chửa tường được họ được liền thế nào ?

f° 10ª, col 1. 官 家 隴 仍 墨 包 .
Hoạn gia lường những ra vào .

272 – 傷 娘 唌 嗣 消 耗 事 情 .
Thương nàng giận hết tiêu hao sự tình .

嗦 油 瞪 覓 束 生 .
Vì dù trông thấy Thúc - Sinh .

拱 戒 瞯 粗 心 清 鼠 兮 .
Cũng nên ngành mặt làm thinh chớ hề .

女 欺 霜 邊 磉 泥
Nhớ khi sương gió nặng nề.

276 - 吏 添 拦 啃 仉 吱 得 嗱
Lại thêm mang tiếng kẻ chê người cười.
束 生 兜 俸 術 澥
Thúc Sinh đâu bổng về chơi.
僥 翔 緘 化 用 涞 掣 包
Thấy Kiều nên hoá dụng rồi xiết bao.
宦 姐 扒 沛 罢 嘲
Hoạn Thư bắt phải ra chào.

280 - 如 燶 肝 鉄 如 炮 意 牀
Như nung gan sắt như bào lòng son.
扒 娘 祝 醪 打 弹
Bắt nàng chuyế nậu đánh đàn.
婚 斀 穷 席 追 歡 恤 囲
Vợ chồng cùng tiệc truy hoan vui vầy.
仍 哭 唅 噔 啐 醃
Nhưng là ngậm đắng nuốt cay.

284 - 閉 暴 生 料 即 時 計 宜
Bấy giờ sinh liệu tức thì kế ngay.
哆 吁 鶤 量 慈 悲
Hay xin mở lượng từ bi.
固 覓 音 閣 丕 辰 空 賒
Có Quan âm - cách vậy thì không xa.

f° 10 B, col 1.

意 罢 供 景 厨 茄.
Ý là cúng cảnh chuā nhā.

288 - 朱 娘 邈 帝 底 麽 修 身.
Cho nāng sang dáy dé ma tu thân

拱 霖 脱 塊 嬭 难.
Cúng may thoát khói nợ nān.

跪 鐄 娘 覓 踟 頭 邈 厨.
Vội vàng nāng mói nói chân sang chuā.

别 包 特 灟 油 霤.
Biệt bao giải giò giầu mưa.

292 - 悲 霖 娘 拧 扈 豬 伏 前
Bây giờ nường tưa sớm tưa phật tiến.

束 生 帥 腋 空 安.
Thúc Sinh trong gia không yên.

躪 邈 嘆 咀 事 緣 覓 娘.
Lén sang than thở sự duyên máy nāng.

宦 姐 鞘 塞 坤 頑.
Hoạn Thư sao khéo khôn ngoan.

296 - 跣 邈 麽 扑 祕 払 踟 宜正.
Theo sang mā bắt lấy chàng về ngay.

翠 翔 若 扔 嘆 台.
Thúy Kiều khó nghĩ lắm thay.

鐘 鐄 磬 鈾 祕 宜正 卽 時
Chuông vàng, khánh bạc lấy ngay tức thì.

妳 脈 躡 跳 墨 彭.
Nuả lèm lén buớc ra đi,

300 - 俸 兜 吏 覺 厨 時 裊 賒.
Bổng dâu lại thấy chuả thỉ néo xa,
跃 頭 跳 細 眙 戈
Mau chân buớc lới xem qua.
寔 庵 招 隐 固 婆 覺 緣.
Thực am chiêu ẩn có bà Giác Duyên.
f° 11° col 1. 跳 包 喑 屬 事 緣
Buớc vào kể hết sự duyên.
304 - 師 婆 聞 透 脫 連 動 傷.
Sư bà nghe thấu thoát liền động thương.
覺 娘 聰 慧 恪 常
Thấy nàng thông tuệ khác thường.
保 哏 催 唉 掠 拫 厨 尼.
Bảo rằng thỏi hãy tựa nương chuả này.
膠 菽 毒 地 彰 台.
Giảng già độc địa lắm thay.
308 - 泊 婆 兜 俸 到 宜正 厘 伽口.
Bạc bà dâu bổng đến ngay chiền già.
認 圖 鐘 磬 官 家.
Nhận đồ chuông, khánh hoạn gia.
自 然 麽 化 師 婆 怙 算.
Tự nhiên mà hoá sư bà lo toan.

脂 虧 瞶 吏 喫 娘.
Đêm khuya ghé lại nhé nàng.

312 - 催 時 唉 暫 改 迎 泊 妥.
Thôi thì hãy tạm gửi sang Bạc bà.

仍 畏 墓 鬼 塘 魔.
Những là bói quỉ dưỡng ma.

折 膓 拯 捽 鉊 罟 朱 躬.
Đoạn thăng chẳng nỡ tên ra cho mình.

被 来 脫 塊 楼 撑.
Vừa rồi thoát khỏi lâu xanh.

316 - 勞 弔 麽 吏 絹 絖 尋 包.
Thế nào mà lại quấn quanh tìm vào.

閉 暴 扔 拱 蓑 鞘.
Bấy giờ nghĩ cũng may bao.

边 亭 豪 固 歇 弔 迎 渕.
Bên đình đường có người nào sang chơi.

f 11 B. col 1. 威 灵 智 勇 絶 荒.
Uy linh trí dũng tuyệt tài.

320 - 祇 徐 鉊 海 本 得 越 東.
Họ Tư tên Hải vốn người Việt đông.

僥 翔 罟 妈 膦 紅.
Thấy Hiếu là gái mà hồng.

朱 喊 憫 結 唱 從 穷 僥.
Cho nên muốn kết xướng tùng cùng nhau.

買 咍 如 意 吓 求.
Mới hay như ý sở cầu.

324 - 报 恩 报 怨 毋 侯 被 衝.
Báo ân báo oán đã hầu vừa xong.

黜 為 粘 脆 胡 公.
Bới vì tên giạ Hồ - công.

朱 戒 拦 啃 害 獃 暄 埃.
Cho nên mang tiếng hại chúng nghe ai,

呵 嗜 徐 海 大 才.
Khá khen Tư - Hải đại tài.

328 - 悗 麼 薨 詩 钟 至 猪 又.
Giận mà chết đứng giữa giời trơ trơ.

翹 強 慘 切 憒 憮.
Khiêu cang thảm thiết ngẩn ngơ.

胡 公 憫 意 云 為 甚 爺.
Hồ - công muốn ý vân vì thế nào?

扜 躬 戢 重 權 高.
Nghĩ mình chức trọng quyền cao.

332 - 麵 爺 綿 织 絲 桃 空 戒.
Mặt nào nỡ chi lo đào không nên.

傷 娘 恤 分 婵 娟.
Thương nàng chút thân thuyền quyên.

急 算 劍 准 車 緣 朱 娘.
Kíp toan kiếm chốn xe duyên cho nàng.

f°12ª, col 1.

翁 絲 寔 鯉 多 端.
Ông to thực nhé da doan.

336 — 車 綀 鞘 窖 撝 乾 撝 扦.
Xe giây sao khéo vỏ cam vỏ xiên.

土 官 辦? 邊 帶 船.
Thổ quan bến nước xuống thuyền.

娘 翹 扔 到 因 緣 強 愁.
Nàng Kiều nghĩ đến nhân duyên càng sầu.

群 當 肝 烤 腩 油.
Con đường gan héo nuột dầu.

340 — 錢 塘 滝 意 登 兜 覽 貯.
Tiền đường sông ấy ở đâu thấy gần.

傷 台 鞘 女 怀 身.
Thương thay sao nỡ hoài thân.

挽 軨 招 竈 洞 銀 包 祿.
Đem mình gieo xuống dòng ngân bao giờ.

覺 緣 因 意 待 踪.
Giác Duyên có ý đợi chờ.

344 — 稅 船 漁 父 兎 承 戈 冬.
Thuê thuyền ngư phủ đã thừa qua đông.

寔 罢 天 道 至 公.
Thực là thiên đạo chí công.

朱 翹 濇 吏 包 軨 鯉 紂.
Cho Kiều trốc lại vào trong lưới chài.

f° 12.B col 1.

撟 蓮 聰 寔 空 差.
Kéo lên nhìn thực không sai.

348 - 覺 緣 唍 果 如 唎 師 姑.
Giác Duyên rằng quả như lời sư cô.

淡 仙 戮 𠓨 唍 嘲.
Đạm Tiên thuở đã hẹn hò.

周 功 𡎚 妬 待 朱 覽 娘.
Có công ở đó đợi cho thấy nàng.

得 兜 孝 義 楚 塘.
Người đâu hiếu nghĩa tứ tường.

352 - 艱 難 磨 殴 閉 饒 輛 歪.
Gian nan mài chịu bấy nhiêu năm giời.

斫 腸 效 捽 烙 来.
Đoạn tràng sổ sối lên rời.

字 情 字 孝 院 堆 燈 煉.
Chữ tình chữ hiếu vẹn đôi nơ dang.

翔 群 戢 夢 瞞 眵.
Hiếu còn giác mộng nơ màng.

356 - 濯 泉 覽 噲 燈 煉 边 聰.
Trạc Tuyền thấy gọi nơ dang bên tai.

醒 罢 吊 別 畏 埃.
Tỉnh ra nào biết là ai,

覺 緣 暩 吏 边 聰 傳 啻.
Giác Duyên ghé lại bên tai truyền trò.

保 翔 仃 料 潴 怙
Bảo Kiểu tưởng liệu chờ lo.

360 - 拧 拫 霧 伏 唉 朱 戈 時
Cửa nường bóng phật hay cho qua thì.
罢 色 割 伏 慈 悲
Ra vào cửa phật từ bi,
至 朱 欺 褐 迫 時 特 僥
Giời cho khi nể gặp thì được nhau,
扎 金 隔 阻 閉 數.
Chăng Kim cách trở bấy lâu.

364 - 遼 陽 登 帝 缶 侯 妳 南
Liêu dương ở đấy đã hầu nữa năm.
懦 悉 忡 伴 知 音.
Trạnh lòng nhớ bạn tri âm.
到 茄 覭 世 挩 心 歐 愁
Đến nhà thấy thế tem tâm âu sầu.

f°13ᵃ; col 1. 別 哏 娘 意 登 兜
Biết rằng nàng ấy ở đâu.

368 - 係 強 聒 吶 強 疠 忺 悉
Hễ cang nghe nói cang đau tấm lòng
辞 官 納 戝 被 衝.
Từ quan nộp chuế vừa xong.
色 生 罢 死 吝 錂 尋 僥
Vào sinh ra tử lần vòng tìm nhau.

翁 婆 料 戳 謀 黏.
Ông, bà liệu thuốc mưu sau.

372 - 翠 雲 沛 者 義 淒 朱 翔.
Thuý Vân phải giả nghĩa sâu cho Kiều.
欺 減 全 坦 拱 慚.
Khi nên giời đất cũng chiều.
斗 齋 異 歇 包 饒 拱 仃.
Làm chay tốn hết bao nhiêu cũng đành.
覺 緣 眄 覩 眞 情.
Giác Duyên xem thấy chân tình.

376 - 買 咍 哏 事 死 生 在 全.
Mới hay rằng sự tử sinh tại giời.
翔 胖 孟 蛙 卒 鮮.
Kiều còn mạnh khoẻ tốt tươi.
跣 僻 鉏 登 如 尼 廛 伽.
Theo tôi đến ở như nơi chiên già.
覺 緣 急 噲 翔 罷.
Giác Duyên kíp gọi Kiều ra.

380 - 尼 婀 尼 媄 尼 吒 尼 戇.
Nay em, nay mẹ, nay cha, nay chồng.
燴 煉 天 道 至 公.
Rõ dàng thiên đạo chí công.
吹 減 再 合 相 逢 宮 饒.
Xui nên tái hiệp tương phùng cùng nhau.

f°13.° col 1.

	勞	罢	如	意	听	求	。
	Thế	là	như	ý	sở	cầu	。
384 –	堆	边	情	礙	義	黏	院	輪	。
	Đôi	bên	tình	trước	nghĩa	sau	vẹn	tròn	。
		扒	金	妥	片心	悉	輪	。
		Chàng	Kim	thoả	tấm	lòng	son	。
	拱	為	塊	惜	諾	嫩	黏	尼	。
	Cũng	vì	khỏi	thẹn	nước	non	sau	này	:
		躰	喂	貼	祕	傳	尼	。
		Mình	ở	xem	lấy	truyện	này	:
388 –	融	如	各	傳	一	哈	傳	翹	。
	Trong	như	các	truyện	nhất	hay	truyện	kiều	。
		𠊛	哈	哈	楚	每	調	。
		Đã	hay	hay	tử	mọi	đều	。
	風	情	孝	友 美	每	朝	清	騷	、
	Phong	tình	hiếu	nghĩa	mọi	chiều	thanh	tao	。
		勞	罢	朝	客	膦	桃	。
		Thế	là	chiều	khách	má	đào	。
392	傳	翹	些	攝	湿	高	沒	排	丿
	Truyện	kiều	ta	xếp	thấp	cao	một	bài	丿

Quán Ven Đường mượn từ thư viện Đại Học Yale

TABLE DE MULTIPLICATION

2 fois 1 font 2
2 — 2 — 4
2 — 3 — 6
2 — 4 — 8
2 — 5 — 10
2 — 6 — 12
2 — 7 — 14
2 — 8 — 16
2 — 9 — 18
2 — 10 — 20
2 — 11 — 22
2 — 12 — 24

3 fois 1 font 3
3 — 2 — 6
3 — 3 — 9
3 — 4 — 12
3 — 5 — 15
3 — 6 — 18
3 — 7 — 21
3 — 8 — 24
3 — 9 — 27
3 — 10 — 30
3 — 11 — 33
3 — 12 — 36

4 fois 1 font 4
4 — 2 — 8
4 — 3 — 12
4 — 4 — 16
4 — 5 — 20
4 — 6 — 24
4 — 7 — 28
4 — 8 — 32
4 — 9 — 36
4 — 10 — 40
4 — 11 — 44
4 — 12 — 48

5 fois 1 font 5
5 — 2 — 10
5 — 3 — 15
5 — 4 — 20
5 — 5 — 25
5 — 6 — 30
5 — 7 — 35
5 — 8 — 40
5 — 9 — 45
5 — 10 — 50
5 — 11 — 55
5 — 12 — 60

6 fois 1 font 6
6 — 2 — 12
6 — 3 — 18
6 — 4 — 24
6 — 5 — 30
6 — 6 — 36
6 — 7 — 42
6 — 8 — 48
6 — 9 — 54
6 — 10 — 60
6 — 11 — 66
6 — 12 — 72

7 fois 1 font 7
7 — 2 — 14
7 — 3 — 21
7 — 4 — 28
7 — 5 — 35
7 — 6 — 42
7 — 7 — 49
7 — 8 — 56
7 — 9 — 63
7 — 10 — 70
7 — 11 — 77
7 — 12 — 84

8 fois 1 font 8
8 — 2 — 16
8 — 3 — 24
8 — 4 — 32
8 — 5 — 40
8 — 6 — 48
8 — 7 — 56
8 — 8 — 64
8 — 9 — 72
8 — 10 — 80
8 — 11 — 88
8 — 12 — 96

9 fois 1 font 9
9 — 2 — 18
9 — 3 — 27
9 — 4 — 36
9 — 5 — 45
9 — 6 — 54
9 — 7 — 63
9 — 8 — 72
9 — 9 — 81
9 — 10 — 90
9 — 11 — 99
9 — 12 — 108

10 fois 1 font 10
10 — 2 — 20
10 — 3 — 30
10 — 4 — 40
10 — 5 — 50
10 — 6 — 60
10 — 7 — 70
10 — 8 — 80
10 — 9 — 90
10 — 10 — 100
10 — 11 — 110
10 — 12 — 120

11 fois 1 font 11
11 — 2 — 22
11 — 3 — 33
11 — 4 — 44
11 — 5 — 55
11 — 6 — 66
11 — 7 — 77
11 — 8 — 88
11 — 9 — 99
11 — 10 — 110
11 — 11 — 121
11 — 12 — 132

12 fois 1 font 12
12 — 2 — 24
12 — 3 — 36
12 — 4 — 48
12 — 5 — 60
12 — 6 — 72
12 — 7 — 84
12 — 8 — 96
12 — 9 — 108
12 — 10 — 120
12 — 11 — 132
12 — 12 — 144

DIVISION DU TEMPS

Siècle : 100 ans.
Année : 365 jours.
Jour : 24 heures.
Heure : 60 minutes
Minute : 60 secondes
Seconde : 60 tierces

SIGNES ABRÉVIATIFS EMPLOYÉS EN ARITHMÉTIQUE

Plus + Moins — Multiplié par × Divisé par : Égale = Comme :

CHIFFRES ROMAINS

I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	L	C	M
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	50	100	1000